FDVN LAWFIRM

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KHỞI KIỆN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TRỌNG TÀI Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LUẬT SƯ FDVN

0772096999

fdvnlawfirm@gmail.com

fdvn.vn / fdvnlawfirm.vn / diendannghеluat.vn

MỤC LỤC

I. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC KHỞI KIỆN TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI 4
1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại và những dạng tranh chấp kinh doanh thương mại thường gặp 4
2. Điều kiện khởi kiện tại trọng tài thương mại 6
3. Các bên có phải thực hiện thủ tục hòa giải trước khi khởi kiện ra trọng tài không? 9
4. Hình thức trọng tài: 9
5. Chuẩn bị đơn kiện và hồ sơ khởi kiện 10
6. Lưu ý về phí trọng tài 11
7. Lưu ý về thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại 11
II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI 12
A.GIAI ĐOẠN THỤ LÝ VỤ TRANH CHẤP 13
1. Nộp đơn khởi kiện và nộp phí trọng tài 13
2. Gửi Thông báo và Đơn khởi kiện 17
3. Bị đơn gửi bản tự bảo vệ và quyền kiện lại của bị đơn 17
4. Thay đổi Trọng tài viên 19
B. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI 19
1. Quy định chung về Hội đồng Trọng tài 20
2. Quy trình thực hiện giữa MCAC và các Trọng tài viên trong quá trình thành lập Hội đồng trọng tài 20
3. Hội đồng Trọng tài gồm ba trọng tài viên: 21
4. Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất 23
5.Các quy định về Trọng tài viên và việc thay đổi Trọng tài viên. 23
C. HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP 25
1. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét thẩm quyền và thoả thuận trọng tài và vấn đề phát sinh liên quan 25
2. Hội đồng Trọng tài xem xét việc thay đổi Trọng tài viên 28
3. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét nội dung hồ sơ vụ tranh chấp 29

4. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời của một hoặc các bên (nếu có yêu cầu) 30
5. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét yêu cầu thay đổi, bổ sung việc áp dụng các BPKCTT (nếu có yêu cầu).....33
6. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét yêu cầu huỷ bỏ việc áp dụng các BPKCTT (nếu có yêu cầu).....33
7. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xác minh sự việc (nếu cần thiết).....34
8. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét, thu thập chứng cứ (nếu cần thiết).....35
9. Buổi họp của Hội đồng trọng tài về vấn đề trưng cầu giám định, định giá tài sản trong vụ tranh chấp 37
10. Hội đồng trọng tài tham vấn ý kiến chuyên gia để giải quyết vụ tranh chấp 37
11. Buổi họp của Hội đồng trọng tài về việc đình chỉ vụ tranh chấp 38
D. PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP 39
1. Hội đồng trọng tài họp chuẩn bị phiên họp giải quyết tranh chấp và gửi Giấy triệu tập 39
1.1. Nguyên tắc.....39
1.2. Thời gian tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp 39
1.3. Nơi tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp 39
1.4. Thành phần tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp.....40
1.5. Trình tự thông báo, gửi Giấy triệu tập tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp.....41
1.6. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp – trường hợp bị hoãn.....41
1.7. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp.....41
1.8. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp – trường hợp các bên hoà giải 44
1.9. Lập và gửi Phán quyết trọng tài.....44
1.10. Sửa chữa, giải thích Phán quyết trọng tài hoặc lập phán quyết trọng tài bổ sung (nếu có) 46
1.11. Lập Phán quyết trọng tài bổ sung 47
E. THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI 48
1.Quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài.....48
2. Về thời hiệu thi hành phán quyết trọng tài.....48
3. Cơ quan có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài:.....49

4. Thủ tục thi hành phán quyết trọng tài:.....49
III. THAM KHẢO PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI THỰC TẾ 54
IV. MẪU ĐƠN KÈM THEO 55

FDVN LAWFIRM

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KHỞI KIỆN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TRỌNG TÀI Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được hình thành trên cơ sở quyền tự định đoạt của các bên tranh chấp, bắt nguồn từ thoả thuận trọng tài và là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hoạt động của Hội đồng trọng tài hoặc trọng tài viên. Với tư cách là bên thứ ba độc lập, trọng tài sẽ đưa ra phán quyết có giá trị bắt buộc các bên phải thi hành nhằm giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp.

Ở Việt Nam, kể từ khi Luật Trọng tài Thương mại được ban hành năm 2010, việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài ngày càng được các nhà kinh doanh ưa chuộng. Phương thức giải quyết bằng trọng tài có tính nhanh chóng; các bên có thể rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp bằng việc rút ngắn thủ tục tố tụng trọng tài. Hơn nữa, trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc kín, quyết định trọng tài không được công bố công khai, rộng rãi. Điều này rất phù hợp với tâm lý chung của các nhà kinh doanh là không muốn mất uy tín vì tranh chấp hay kiện tụng. Ngoài ra, sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài còn mang tính thân thiện, không bị giới hạn về mặt lãnh thổ và có tính chất chung thẩm. Phán quyết trọng tài có hiệu lực thi hành ngay, và các bên không có quyền kháng cáo trước bất kỳ một tổ chức hoặc Toà án nào (trừ trường hợp vi phạm nghiêm trọng về tố tụng trọng tài dẫn đến phán quyết trọng tài bị hủy).

Trên cơ sở những ưu điểm khi giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng Trọng tài nêu trên, Luật sư FDVN chia sẻ bài viết: Trình tự thủ tục khởi kiện và giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Trọng tài ở Hà Nội.

FDVN hy vọng bài viết này sẽ hữu ích cho các bạn trong quá trình nghiên cứu luật và có thể áp dụng trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Trọng tài trong thực tiễn.

I. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC KHỞI KIỆN TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

1. KHÁI NIỆM TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ NHỮNG DẠNG TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI THƯỜNG GẶP

a. Khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại

Căn cứ theo quy định tại Điều 3 Luật Thương mại 2005 quy định rằng *"Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác.*

Trong các văn bản pháp luật hiện hành tại Việt Nam chưa có một quy phạm pháp luật nào định nghĩa cụ thể thế nào là tranh chấp kinh doanh thương mại tuy nhiên theo tinh thần của Luật thương mại 2005 và Luật doanh nghiệp 2020 thì Tranh chấp kinh doanh thương mại được hiểu là những xung đột, mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình hoạt động thương mại.

Tranh chấp kinh doanh thương mại cần đáp ứng các đặc điểm sau:

1. Là những mâu thuẫn, xung đột về quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

2. Phát sinh từ hoạt động thương mại. Căn cứ phát sinh tranh chấp là hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quy tắc, nội dung mà các bên đã thỏa thuận.

3. Chủ thể chủ yếu của tranh chấp là Thương Nhân. Thương nhân bao gồm là cá nhân kinh doanh và pháp nhân. Ngoài thương nhân thì trong một số quan hệ chủ thể thì các cá nhân, tổ chức khác cũng có thể được xem là chủ thể của tranh chấp thương mại khi trong các giao dịch bên không có mục đích sinh lợi chọn áp dụng luật thương mại.

b. Dạng tranh chấp kinh doanh thương mại

Mục đích của việc phân loại tranh chấp thương mại là để lựa chọn và áp dụng quy phạm pháp luật phù hợp với từng loại tranh chấp cụ thể. Tùy vào căn cứ pháp lý khác nhau, chúng ta có thể chia ra nhiều loại tranh chấp kinh doanh thương mại khác nhau:

1. Căn cứ theo lãnh thổ: Gồm tranh chấp thương mại trong nước và tranh chấp thương mại quốc tế.

2. Căn cứ vào số lượng tranh chấp: gồm tranh chấp hai bên và tranh chấp nhiều bên.

3. Căn cứ vào lĩnh vực tranh chấp: có thể gồm Tranh chấp hợp đồng, tranh chấp sở hữu trí tuệ, tranh chấp đầu tư ,…

4. Căn cứ vào quá trình thực hiện: gồm Tranh chấp trong quá trình đàm phán, trong quá trình soạn thảo ký kết và tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng.

c. Đối tượng tranh chấp

Đối tượng của tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại điều 2 Luật Thương mại 2005, cụ thể:

1.Thương nhân hoạt động thương mại, cụ thể:

+ Hoạt động thương mại thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Hoạt động thương mại thực hiện ngoài lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp các bên thoả thuận chọn áp dụng Luật này hoặc luật nước ngoài, điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định áp dụng Luật Thương mại 2005;

+ Hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi của một bên trong giao dịch với thương nhân thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp bên thực hiện hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi đó chọn áp dụng Luật Thương mại 2005.

2. Tổ chức, cá nhân khác hoạt động có liên quan đến thương mại.

3. Cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại điều 3 Nghị định 39/2007/NĐ- CP quy định về hoạt động thương mại một cách độc lập thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh.

2. ĐIỀU KIỆN KHỞI KIỆN TẠI TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

a. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài

Căn cứ theo quy định tại Điều 5 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định về điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài như sau:

1. Tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thoả thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp.

Điều 16 Luật trọng tài thương mại 2010 của Việt Nam (sau đây gọi là "Luật TTTM") quy định về các hình thức thỏa thuận trọng tài được coi là thỏa thuận trọng tài bằng văn bản bao gồm:

(i) Thoả thuận được xác lập qua trao đổi giữa các bên bằng telegram, fax, telex, thư điện tử và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;
(ii) Thỏa thuận được xác lập thông qua trao đổi thông tin bằng văn bản giữa các bên;
(iii) Thỏa thuận được luật sư, công chứng viên hoặc tổ chức có thẩm quyền ghi chép lại bằng văn bản theo yêu cầu của các bên;
(iv) Trong giao dịch các bên có dẫn chiếu đến một văn bản có thể hiện thỏa thuận trọng tài như hợp đồng, chứng từ, điều lệ công ty và những tài liệu tương tự khác; hoặc
(v) Qua trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ mà trong đó thể hiện sự tồn tại của thoả thuận do một bên đưa ra và bên kia không phủ nhận.

2. Trường hợp một bên tham gia thoả thuận trọng tài là cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi, thoả thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với người thừa kế hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

3. Trường hợp một bên tham gia thỏa thuận trọng tài là tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với tổ chức tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

b. Điều khoản mẫu thỏa thuận Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung - MCAC

Để tránh trường hợp thoả thuận trọng tài do các bên xác lập chưa đảm bảo sự biểu thị ý chí của các bên trong lựa chọn giải quyết tranh chấp, điều khoản mẫu thoả thuận trọng tài được nhiều trung tâm trọng tài thương mại xác lập trên các yếu tố cơ bản của tố tụng trọng tài. Chẳng hạn điều khoản mẫu thoả thuận trọng tài của Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) như sau:

"Điều ...: Giải quyết tranh chấp

1. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tố tụng trọng tài của Trung tâm này.

2. Số lượng Trọng tài viên là... (một hoặc ba).

3. Địa điểm giải quyết tranh chấp là... (thành phố và/hoặc quốc gia).

4. Ngôn ngữ trọng tài là… (chỉ áp dụng trong trường hợp tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc tranh chấp có ít nhất một bên là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; chỉ nêu một ngôn ngữ).

5. Luật áp dụng cho hợp đồng này là… (chỉ áp dụng đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài và trong trường hợp các bên không thỏa thuận về luật áp dụng trong một điều khoản khác).”

Điều khoản trọng tài mẫu áp dụng cho thủ tục rút gọn như sau:

“Điều ...: Giải quyết tranh chấp

1. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tố tụng trọng tài của Trung tâm này.

Các bên thỏa thuận rằng tố tụng trọng tài sẽ được tiến hành theo Thủ tục rút gọn quy định tại Điều 37 của Quy tắc Tố tụng trọng tài của MCAC.

2. Địa điểm giải quyết tranh chấp là… (thành phố và/hoặc quốc gia).

3. Ngôn ngữ trọng tài là… (chỉ áp dụng trong trường hợp tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc tranh chấp có ít nhất một bên là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; chỉ nêu một ngôn ngữ). 4. Luật áp dụng cho hợp đồng này là… (chỉ áp dụng đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài và trong trường hợp các bên không thỏa thuận về luật áp dụng trong một điều khoản khác).”

c. Lưu ý các trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu và hướng xử lý.

Theo quy định tại Điều 18 Luật Trọng tài thương mại 2010 và Điều 3 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP quy định Thỏa thuận trọng tài vô hiệu gồm các trường hợp sau:

1. Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, cụ thể các tranh chấp như: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài.

2. Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Người xác lập thỏa thuận trọng tài khi không phải là người đại diện theo pháp luật hoặc không phải là người được ủy quyền hợp pháp hoặc là người được ủy quyền hợp pháp nhưng vượt quá phạm vi được ủy quyền.

Về nguyên tắc thỏa thuận trọng tài do người không có thẩm quyền xác lập thì thỏa thuận trọng tài đó vô hiệu. Trường hợp thỏa thuận trọng tài do người không có thẩm quyền xác lập nhưng trong quá trình xác lập, thực hiện thỏa thuận trọng tài hoặc trong tố tụng trọng tài mà người có thẩm quyền xác lập thỏa thuận trọng tài đã chấp nhận hoặc đã biết mà không phản đối thì thỏa thuận trọng tài không vô hiệu.

3. Người xác lập thoả thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Trong trường hợp này thì Tòa án cần thu thập chứng cứ

để chứng minh người xác lập thoả thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự thì phải có giấy tờ tài liệu chứng minh ngày tháng năm sinh hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của Tòa án xác định, tuyên bố người đó mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

4. Hình thức của thoả thuận trọng tài không phù hợp với quy định tại Điều 16 của Luật Trọng tài thương mại 2010 là trường hợp thỏa thuận trọng tài không được xác lập bằng một trong các hình thức quy định tại Điều 16 Luật TTTM và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP.

5. Một trong các bên bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép trong quá trình xác lập thoả thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thoả thuận trọng tài đó là vô hiệu là trường hợp một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép theo quy định tại Điều 4, Điều 132 của Bộ luật dân sự 2015.

6. Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật là thỏa thuận thuộc trường hợp quy định tại Điều 128 của Bộ luật dân sự 2015.

d. Lưu ý các trường hợp thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được và hướng xử lý.

Thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được là thỏa thuận trọng tài thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP như sau:

1. Các bên đã có thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm trọng tài cụ thể nhưng Trung tâm trọng tài này đã chấm dứt hoạt động mà không có tổ chức trọng tài kế thừa, và các bên không thỏa thuận được việc lựa chọn Trung tâm trọng tài khác để giải quyết tranh chấp.

2. Các bên đã có thỏa thuận cụ thể về việc lựa chọn Trọng tài viên trọng tài vụ việc, nhưng tại thời điểm xảy ra tranh chấp, vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà Trọng tài viên không thể tham gia giải quyết tranh chấp, hoặc Trung tâm trọng tài, Tòa án không thể tìm được Trọng tài viên như các bên thỏa thuận và các bên không thỏa thuận được việc lựa chọn Trọng tài viên khác để thay thế.

3. Các bên đã có thỏa thuận cụ thể về việc lựa chọn Trọng tài viên trọng tài vụ việc, nhưng tại thời điểm xảy ra tranh chấp, Trọng tài viên từ chối việc được chỉ định hoặc Trung tâm trọng tài từ chối việc chỉ định Trọng tài viên và các bên không thỏa thuận được việc lựa chọn Trọng tài viên khác để thay thế.

4. Các bên có thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm trọng tài nhưng lại thỏa thuận áp dụng Quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài khác với Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài đã thỏa thuận và điều lệ của Trung tâm trọng tài do các bên lựa chọn để giải quyết tranh chấp không cho phép áp dụng Quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài khác và các bên không thỏa thuận được về việc lựa chọn Quy tắc tố tụng trọng tài thay thế.

5. Nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ và người tiêu dùng có điều khoản về thỏa thuận trọng tài được ghi nhận trong các điều kiện chung về cung cấp hàng hoá, dịch vụ do nhà cung cấp soạn sẵn quy định tại Điều 17 Luật TTTM nhưng khi phát sinh tranh chấp, người tiêu dùng không đồng ý lựa chọn Trọng tài giải quyết tranh chấp.

Hướng xử lý:

Trường hợp các bên đã có thỏa thuận trọng tài nhưng không chỉ rõ hình thức trọng tài hoặc không thể xác định được tổ chức trọng tài cụ thể, thì khi có tranh chấp, các bên phải thỏa thuận lại về hình thức trọng tài hoặc tổ chức trọng tài cụ thể để giải quyết tranh chấp. Nếu không thỏa thuận được thì việc lựa chọn hình thức, tổ chức trọng tài để giải quyết tranh chấp được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn. *(Theo quy định tại Khoản 5 Điều 43 Luật TTTM năm 2010)*

3. CÁC BÊN CÓ PHẢI THỰC HIỆN THỦ TỤC HÒA GIẢI TRƯỚC KHI KHỞI KIỆN RA TRỌNG TÀI KHÔNG?

Theo quy định tại Điều 58 Luật Trọng tài thương mại 2010 có quy định về hòa giải, công nhận hòa giải thành như sau: ***"Theo yêu cầu của các bên, Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp.*** *Khi các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết trong vụ tranh chấp thì Hội đồng trọng tài lập biên bản hoà giải thành có chữ ký của các bên và xác nhận của các Trọng tài viên. Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên. Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài.*

Như vậy, trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp không bắt buộc cần phải tiến hành hòa giải. Việc hòa giải giải quyết tranh chấp trong trọng tài thương mại sẽ do các bên thỏa thuận với nhau.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp các bên có thỏa thuận trong Hợp đồng là tranh chấp phải được hòa giải trong một thời hạn nhất định, nếu không hòa giải được thì tranh chấp mới được đưa ra Trọng tài Thương mại để giải quyết. Trong trường hợp này, các bên phải đáp ứng đủ thời gian nhất định theo quy định tại Hợp đồng mà các bên đã ký kết thì mới được đưa tranh chấp ra Trọng tài Thương mại để giải quyết.

4. HÌNH THỨC TRỌNG TÀI:

Trọng tài thương mại tồn tại dưới hai hình thức đó là trọng tài vụ việc và trọng tài quy chế (còn gọi là trọng tài thường trực):

-Trọng tài quy chế là hình thức giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm trọng tài theo quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài đó.[1] Đặc điểm của Trọng tài quy chế là được tổ chức dưới hình thức các trung tâm trọng tài và các trung tâm này là các tổ chức phi chính phủ, không nằm trong hệ thống cơ quan nhà nước; các trung tâm này phải có tư cách pháp nhân; cơ cấu tổ chức và hoạt động ở các trung tâm trọng tài thường đơn giản; mỗi trung tâm trọng tài tự quyết định về lĩnh vực hoạt động và có quy tắc tố tụng riêng; hoạt động xét xử của trung tâm trọng tài được tiến hành bởi chính các trọng tài viên của trung tâm.[2]

[1] Khoản 6 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại 2010

[2] Xem: Giáo trình Luật Thương mại (tập 2) (2014), Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an Nhân dân, tr.449 – 453 và Giáo trình Luật Thương mại (tập 2) (2017), Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an Nhân dân, tr.333 – 339

- Trọng tài vụ việc là hình thức giải quyết tranh chấp theo quy định của Luật này và trình tự, thủ tục do các bên thoả thuận.[3] Trọng tài vụ việc có đặc điểm là chỉ được thành lập khi phát sinh tranh chấp theo thỏa thuận của các bên và tự chấm dứt hoạt động khi giải quyết xong tranh chấp; không có trụ sở thường trực và bộ máy điều hành, không có quy tắc tố tụng riêng.

5. CHUẨN BỊ ĐƠN KIỆN VÀ HỒ SƠ KHỞI KIỆN

(Tham khảo theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung - MCAC)

- **Hình thức Đơn khởi kiện:** Bằng văn bản.

- **Nội dung Đơn khởi kiện bao gồm:**

+ Ngày, tháng, năm làm Đơn khởi kiện;

+ Tên, địa chỉ của các bên;

+ Tóm tắt nội dung của vụ tranh chấp;

+ Cơ sở khởi kiện;

+ Trị giá của vụ tranh chấp và các yêu cầu khởi kiện khác của Nguyên đơn;

+ Tên của người được Nguyên đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 1 Điều 12 hoặc Điều 13 Quy tắc Tố tụng Trọng tài của MCAC;

+ Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là cá nhân.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn phải chuẩn bị các tài liệu sau:

- Thoả thuận trọng tài;

- Các tài liệu có liên quan đến yêu cầu giải quyết tranh chấp (bản chính hoặc bản sao).

- Số lượng hồ sơ đủ theo quy định[4]: 5 bộ hồ sơ (Đối với trường hợp Hội đồng Trọng tài có 3 Trọng tài viên), hoặc 3 bộ hồ sơ (Đối với trường hợp Hội đồng Trọng tài có 1 Trọng tài viên).

- **Người ký vào Đơn khởi kiện**: **(i)** Trường hợp Nguyên đơn là tổ chức: Người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền; **(ii)** Trường hợp Nguyên đơn là cá nhân: Cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền.

- **Gửi đơn kiện:** Nguyên đơn phải làm đơn khởi kiện gửi đến Trung tâm trọng tài. Trường hợp vụ tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài vụ việc, Nguyên đơn phải làm đơn khởi kiện và gửi cho Bị đơn *(Căn cứ theo Khoản 1 Điều 30 Luật TTTM 2010)*

[3] Khoản 7 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại 2010
[4] Khoản 1 Điều 3 Quy tắc Tố tụng của MCAC

6. LƯU Ý VỀ PHÍ TRỌNG TÀI

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Quy tắc Tố tụng trọng tài của MCAC, khi nộp Đơn khởi kiện, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Nguyên đơn phải nộp đủ các chi phí được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Quy tắc Tố tụng của MCAC theo Biểu phí trọng tài của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm nộp Đơn khởi kiện theo thời hạn quy định không quá 05 ngày.

+ Trong trường hợp Nguyên đơn không nộp đủ các chi phí này trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn khởi kiện nhưng không ảnh hưởng đến quyền được nộp lại Đơn khởi kiện. Chủ tịch MCAC trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp theo quy định tại Điều 30 Quy tắc Tố tụng của MCAC.

+ Trường hợp Nguyên đơn nộp phí trọng tài theo thời hạn quy định: MCAC thụ lý vụ tranh chấp và sẽ gửi đến Nguyên đơn, Bị đơn thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.

- Trong trường hợp có Đơn kiện lại, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Bị đơn phải nộp đủ các chi phí nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Quy tắc Tố tụng của MCAC theo Biểu phí trọng tài của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm nộp Đơn kiện lại. Trong trường hợp Bị đơn không nộp đủ các chi phí này trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn kiện lại. *(Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Quy tắc Tố tụng của MCAC).*

Các chi phí nêu tại khoản 3 Điều 34 của Quy tắc Tố tụng này được tạm ứng sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập. Trung tâm tham khảo ý kiến của Hội đồng Trọng tài để lập dự tính, quyết định một bên hoặc các bên phải tạm ứng các chi phí này và thông báo cho các bên biết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm, bên hoặc các bên được yêu cầu phải tạm ứng đủ các chi phí này, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Nếu các chi phí này không được tạm ứng đủ, Trung tâm có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài tạm dừng giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp này, một bên có thể tạm ứng thay cho bên kia theo yêu cầu của Trung tâm để quá trình tố tụng Trọng tài được tiếp tục. Nếu các chi phí này không được tạm ứng đủ thì Hội đồng Trọng tài có thể tạm dừng việc giải quyết vụ tranh chấp.

- Các chi phí nêu trên được Trung tâm tính và thông báo cho các bên và cho Hội đồng Trọng tài trước khi Hội đồng Trọng tài lập Phán quyết trọng tài. Nếu số tiền tạm ứng cao hơn chi phí thực tế thì Trung tâm hoàn trả số tiền còn dư cho bên đã tạm ứng. Nếu chi phí thực tế cao hơn số tiền tạm ứng thì các bên phải nộp bổ sung cho Trung tâm.

7. LƯU Ý VỀ THỜI HIỆU KHỞI KIỆN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 về Thời hiệu khởi kiện quy định như sau: "Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là **hai năm**, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 237 của Luật này."

Căn cứ tại Điều 33 Luật Trọng tài Thương mại 2010 quy định thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài như sau: *"Trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác, thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài là **02 năm**, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm."*

Như vậy, thời hiệu khởi kiện tranh chấp kinh doanh thương mại tại Trọng tài là 02 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

Hiện nay, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 không đề cập đến những trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, dựa trên nguyên tắc luật chung, luật riêng thì khi áp dụng thời hiệu khởi kiện, trung tâm trọng tài hoặc hội đồng trọng tài đồng thời viện dẫn quy định tại Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét loại trừ không áp dụng thời hiệu trên trong một số tình huống cụ thể như yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân không gắn với tài sản; yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu; tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các trường hợp khác do pháp luật quy định.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Quá trình tố tụng trọng tài thương mại được thực hiện theo thủ tục chi tiết mà các trung tâm trọng tài được lựa chọn đã quy định. Để hiểu rõ hơn về quá trình này, có thể tham khảo trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp theo quy tắc trọng tài tại Trung tâm Trọng tài thương mại miền Trung (MCAC miền Trung, sau đây gọi là "Trọng tài MCAC").

FDVN LAWFIRM

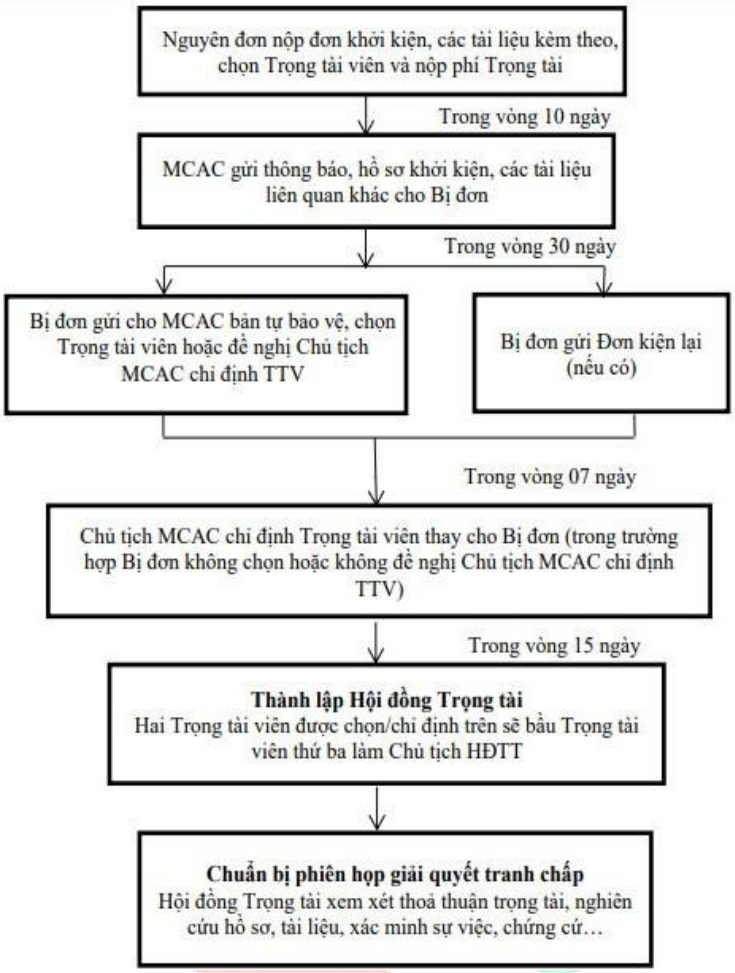

Hình 1. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài thương mại miền Trung (MCAC miền Trung)

A.GIAI ĐOẠN THỤ LÝ VỤ TRANH CHẤP

1. Nộp đơn khởi kiện và nộp phí trọng tài

1.1. Gửi đơn khởi kiện

Theo Điều 7 Quy tắc tố tụng của Trọng tài MCAC, một bên muốn khởi kiện ra Trọng tài phải gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài thương mại miền Trung.

Số lượng hồ sơ khởi kiện, các tài liệu, thông báo do một bên gửi phải đủ số bản để Trọng tài MCAC gửi cho các thành viên của Hội đồng trọng tài mỗi người một bản, cho bên kia một bản và lưu một bản.

Về nội dung đơn khởi kiện tại Trọng tài MCAC bao gồm các nội dung sau:

a) Ngày, tháng, năm làm Đơn khởi kiện;

b) Tên, địa chỉ của các bên;

c) Tóm tắt nội dung của vụ tranh chấp;

d) Cơ sở khởi kiện;

e) Trị giá của vụ tranh chấp và các yêu cầu khởi kiện khác của Nguyên đơn;

f) Tên của người được Nguyên đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 1 Điều 12 hoặc Điều 13 Quy tắc Tố tụng này;

g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là cá nhân.

Kèm theo đơn khởi kiện phải có thoả thuận trọng tài và các tài liệu khác (là bản chính hoặc bản sao) có liên quan.

1.2. Nộp phí trọng tài

Phí trọng tài[5] là khoản thu từ việc cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài. Phí trọng tài do Trung tâm trọng tài ấn định. Trường hợp vụ tranh chấp được giải quyết bởi Trọng tài vụ việc, phí trọng tài do Hội đồng trọng tài ấn định.

Phí trọng tài tại MCAC bao gồm: Chi phí để trả thù lao cho các Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp; Chi phí hành chính của Trung tâm liên quan đến việc giải quyết vụ tranh chấp; Chi phí đi lại, ở và các chi phí có liên quan khác của các Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp được quy định tại Văn bản hướng dẫn của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm lập dự tính chi phí; chi phí cho các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài; Chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí tham vấn ý kiến chuyên gia và chi phí cho các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài.

a. Cơ sở tính phí trọng tài

(i) Trường hợp Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại nêu trị giá vụ tranh chấp:

- Trường hợp vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trị giá vụ tranh chấp	Phí trọng tài (đã bao gồm VAT)
Từ 100.000.000 đồng trở xuống	15.000.000
Từ trên 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng	15.000.000 + 4,8% số tiền vượt quá 100.000.000
Từ trên 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng	65.000.000 + 2,6% số tiền vượt quá 1.000.000.000

[5] Điều 34 Luật Trọng tài thương mại 2010.

Từ trên 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng	179.000.000 + 1,7% số tiền vượt quá 5.000.000.000
Từ trên 10.000.000.000 đồng đến 50.000.000.000 đồng	274.000.000 + 1,3% số tiền vượt quá 10.000.000.000
Từ trên 50.000.000.000 đồng đến 100.000.000.000 đồng	845.000.000 + 0,8% số tiền vượt quá 50.000.000.000
Từ trên 100.000.000.000 đồng đến 500.000.000.000 đồng	1.319.000.000 + 0,26% số tiền vượt quá 100.000.000.000
Từ trên 500.000.000.000 đồng trở lên	2.459.000.000 + 0,09% số tiền vượt quá 500.000.000.000

- Trường hợp vụ tranh chấp được giải quyết bởi Trọng tài viên duy nhất, mức phí trọng tài bằng **70% của phí trọng** tài nêu trên đối với cùng trị giá vụ tranh chấp.

- Giá trị vụ tranh chấp bằng ngoại tệ sẽ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá chuyển đổi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm nộp Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại.

(ii) Trường hợp Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại không nêu trị giá vụ tranh chấp thì Chủ tịch Trung Tâm quyết định số phí trọng tài căn cứ vào tính chất của vụ tranh chấp, thời gian giải quyết vụ tranh chấp và số lượng Trọng tài viên.

(iii) Trường hợp Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại vừa có yêu cầu nêu trị giá vừa có yêu cầu khác không nêu trị giá thì phí trọng tài đối với các yêu cầu nêu trị giá được tính theo Mục 1, phí trọng tài đối với yêu cầu không nêu trị giá được tính theo Mục 2 nêu trên.

(iv) Phí trọng tài nêu tại Mục (i), (ii) và (iii) trên đây không bao gồm chi phí đi lại, ở và các chi phí có liên quan khác của các Trọng tài viên và thư ký phiên họp giải quyết vụ tranh chấp; chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí tham vấn ý kiến chuyên gia và chi phí cho các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài.

(v) Các quy định tại Mục (i), (ii), (iii) và (iv) nêu trên cũng áp dụng đối với việc sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện có điều chỉnh tăng về trị giá của vụ tranh chấp; việc sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại có điều chỉnh tăng về trị giá của vụ kiện lại. Trường hợp có điều chỉnh giảm về trị giá của vụ tranh chấp hoặc điều chỉnh giảm trị giá của vụ kiện lại thì phí trọng tài không điều chỉnh giảm.

b. Hoàn trả phí trọng tài

Phí trọng tài được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

(i) Trường hợp rút Đơn khởi kiện; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện; rút Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại:

- Nếu Đơn khởi kiện; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện; Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại được rút trước khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, Trung tâm hoàn trả 70% phí trọng tài.

- Nếu Đơn khởi kiện; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện; Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại được rút sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, Trung tâm hoàn trả 40% phí trọng tài.

- Nếu Đơn khởi kiện; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện; Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại được rút sau khi Trung tâm gửi Giấy triệu tập phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và trước ngày mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, Trung tâm hoàn trả 20% phí trọng tài.

(ii) Trường hợp Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp do thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, Trung tâm hoàn trả 30% phí trọng tài.

(iii) Trường hợp Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp khi có Quyết định của Tòa án cho rằng tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, Trung tâm hoàn trả 20% phí trọng tài.

(iv) Trong mọi trường hợp, phí trọng tài còn lại sau khi hoàn trả không dưới 10.000.000 đồng.

c. Nộp phí trọng tài[6]

Khi nộp Đơn khởi kiện, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Nguyên đơn phải nộp đủ các chi phí được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Quy tắc Tố tụng MCAC theo Biểu phí trọng tài của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm nộp Đơn khởi kiện. Trong trường hợp Nguyên đơn không nộp đủ các chi phí này trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn khởi kiện nhưng không ảnh hưởng đến quyền được nộp lại Đơn khởi kiện.

Trong trường hợp có Đơn kiện lại, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Bị đơn phải nộp đủ các chi phí nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Quy tắc Tố tụng MCAC theo Biểu phí trọng tài của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm nộp Đơn kiện lại. Trong trường hợp Bị đơn không nộp đủ các chi phí này trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn kiện lại.

Các chi phí nêu tại khoản 3 Điều 34 của Quy tắc Tố tụng MCAC được tạm ứng sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập. Trung tâm tham khảo ý kiến của Hội đồng Trọng tài để lập dự tính, quyết định một bên hoặc các bên phải tạm ứng các chi phí này và thông báo cho các bên biết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm, bên hoặc các bên được yêu cầu phải tạm ứng đủ các chi phí này, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Nếu các chi phí này không được tạm ứng đủ, Trung tâm có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài tạm dừng giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp này, một bên có thể tạm ứng thay cho bên kia theo yêu cầu của Trung tâm để quá trình tố tụng trọng tài được tiếp tục. Nếu các chi phí này không được tạm ứng đủ thì Hội đồng Trọng tài có thể tạm dừng việc giải quyết vụ tranh chấp.

[6] Điều 35 Quy tắc tố tụng Trọng tài MCAC miền Trung.

Các chi phí nêu tại khoản 4 Điều 34 của Quy tắc Tố tụng MCAC được nộp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 19 của Quy tắc Tố tụng này.

Các chi phí nêu tại khoản 3 Điều 34 của Quy tắc Tố tụng này được Trung tâm tính và thông báo cho các bên và cho Hội đồng Trọng tài trước khi Hội đồng Trọng tài lập Phán quyết trọng tài. Nếu số tiền tạm ứng cao hơn chi phí thực tế thì Trung tâm hoàn trả số tiền còn dư cho bên đã tạm ứng. Nếu chi phí thực tế cao hơn số tiền tạm ứng thì các bên phải nộp bổ sung cho Trung tâm.

2. Gửi Thông báo và Đơn khởi kiện

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Trung tâm nhận được Đơn khởi kiện, Thỏa thuận trọng tài, các tài liệu khác có liên quan và phí trọng tài, Trung tâm gửi tới Bị đơn Thông báo, Đơn khởi kiện, Thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.

3. Bị đơn gửi bản tự bảo vệ và quyền kiện lại của bị đơn

Gửi bản tự bảo vệ[7]

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, Thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan, Bị đơn phải gửi tới Trung tâm MCAC Bản tự bảo vệ.

Bản tự bảo vệ gồm các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm Bản tự bảo vệ;

b) Tên, địa chỉ của Bị đơn;

c) Cơ sở tự bảo vệ;

d) Tên của người được Bị đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc Tố tụng này;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là cá nhân;

Cần lưu ý, trong trường hợp Bị đơn cho rằng Thỏa thuận trọng tài không tồn tại, Thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc Thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Bị đơn phải nêu rõ trong Bản tự bảo vệ. Nếu Bị đơn không nêu rõ điều đó trong Bản tự bảo vệ thì Bị đơn mất quyền phản đối. Trong trường hợp này, Bị đơn vẫn phải chọn Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên.

Trung tâm có thể gia hạn thời hạn gửi Bản tự bảo vệ khi có yêu cầu gia hạn của Bị đơn. Yêu cầu gia hạn phải được lập bằng văn bản và phải gửi để Trung tâm nhận được trước khi hết thời hạn gửi Bản tự bảo vệ hoặc trước khi hết thời hạn gia hạn gửi Bản tự bảo vệ.

[7] Điều 9 Quy tắc tố tụng Trọng tài của MCAC.

Trong trường hợp có yêu cầu gia hạn thời hạn gửi Bản tự bảo vệ, Bị đơn vẫn phải chọn Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày theo quy định.

Bản tự bảo vệ và các tài liệu có liên quan phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc Tố tụng MCAC.

Trường hợp Bị đơn không gửi Bản tự bảo vệ, Tố tụng trọng tài vẫn được tiến hành.

Quyền kiện lại của bị đơn[8]

Bị đơn có quyền kiện lại Nguyên đơn. Đơn kiện lại phải căn cứ vào thỏa thuận trọng tài mà dựa vào đó Nguyên đơn đã khởi kiện Bị đơn. Đơn kiện lại phải bằng văn bản riêng, độc lập với Bản tự bảo vệ. Đơn kiện lại phải được gửi tới Trung tâm vào cùng thời điểm gửi Bản tự bảo vệ.

Đơn kiện lại gồm các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm Đơn kiện lại;

b) Tên, địa chỉ của các bên;

c) Tóm tắt nội dung của vụ kiện lại;

d) Cơ sở kiện lại;

e) Trị giá của vụ kiện lại và các yêu cầu khác của Bị đơn;

f) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là cá nhân.

Đơn kiện lại và các tài liệu có liên quan phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc Tố tụng MCAC.

Trừ khi các bên có thoả thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Trung tâm nhận được Đơn kiện lại, các tài liệu khác có liên quan và phí trọng tài quy định tại Điều 35 của Quy tắc Tố tụng MCAC, Trung tâm gửi tới Nguyên đơn Thông báo, Đơn kiện lại và các tài liệu khác có liên quan.

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn kiện lại và các tài liệu có liên quan, Nguyên đơn phải gửi tới Trung tâm Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại với số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc Tố tụng MCAC.

Đơn kiện lại được giải quyết đồng thời bởi chính Hội đồng Trọng tài giải quyết Đơn khởi kiện của Nguyên đơn.

[8] Điều 10 Quy tắc tố tụng Trọng tài MCAC miền Trung.

4. Thay đổi Trọng tài viên[9]

Trọng tài viên phải từ chối giải quyết vụ tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên nếu Trọng tài viên thuộc một trong các trường hợp[10]:

a) Là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên;

b) Có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp;

c) Đã là hoà giải viên, người đại diện, luật sư của bất kỳ bên nào trong chính vụ tranh chấp đang được đưa ra giải quyết tại Trung tâm, trừ khi các bên có chấp thuận bằng văn bản;

d) Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, độc lập hoặc không khách quan;

e) Không đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể mà các bên đã thoả thuận;

f) Không đáp ứng các tiêu chuẩn theo pháp luật trọng tài được áp dụng.

Đơn từ chối giải quyết vụ tranh chấp của Trọng tài viên, Đơn yêu cầu thay đổi Trọng tài viên của một hoặc các bên phải được gửi tới Trung tâm. Nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm quyết định. Nếu Hội đồng Trọng tài đã được thành lập và có một Trọng tài viên từ chối hoặc bị yêu cầu thay đổi thì việc thay đổi Trọng tài viên đó do các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài quyết định; nếu các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài không quyết định được thì Chủ tịch Trung tâm quyết định. Trong các trường hợp khác, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm quyết định. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất, việc thay đổi Trọng tài viên duy nhất do Chủ tịch Trung tâm quyết định. Quyết định của các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc của Chủ tịch Trung tâm về việc thay đổi Trọng tài viên có thể không nêu căn cứ ra quyết định. Quyết định này là cuối cùng.

Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm quyết định thay đổi Trọng tài viên thì Trọng tài viên thay thế được chọn hoặc chỉ định. Các bên không được chọn Trọng tài viên đã bị thay đổi, Chủ tịch Trung tâm không được chỉ định Trọng tài viên đã bị thay đổi. Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm quyết định không thay đổi Trọng tài viên thì Trọng tài viên này phải tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp Trọng tài viên chết hoặc vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không thể tiếp tục tham gia giải quyết vụ tranh chấp thì việc chọn hoặc chỉ định Trọng tài viên thay thế được thực hiện theo quy định tại Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc Tố tụng MCAC.

Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài có thể ấn định các chi phát sinh từ việc thay đổi Trọng tài viên và có thể quyết định bên phải chịu chi phí đó.

B. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI

[9] Điều 17 Quy tắc tố tụng Trọng tài MCAC miền Trung.
[10] Khoản 3 Điều 16 Quy tắc tố tụng Trọng tài MCAC miền Trung.

1. Quy định chung về Hội đồng Trọng tài

Quy tắc Tố tụng của MCAC quy định: Vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất. Các bên có quyền chọn Hội đồng Trọng tài gồm ba trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất. Trường hợp các bên không thỏa thuận thì vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên.[11]

Trong trường hợp có nhiều Nguyên đơn, Bị đơn thì mỗi bên phải thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc thống nhất yêu cầu MCAC chỉ định một Trọng tài viên hoặc MCAC chỉ định một Trọng tài viên cho mỗi bên.

Trong trường hợp tên của người được chọn Trọng tài viên duy nhất không có trong Danh sách Trọng tài viên thì các bên phải thông báo cho MCAC địa chỉ liên hệ của Trọng tài viên này.

2. Quy trình thực hiện giữa MCAC và các Trọng tài viên trong quá trình thành lập Hội đồng trọng tài

- Ban Thư ký chuyển toàn bộ hồ sơ vụ tranh chấp, Bản tuyên bố của Trọng tài viên cho Trọng tài viên trong vòng 05 ngày, kể từ ngày Trọng tài viên được Nguyên đơn hay Bị đơn chọn hoặc MCAC chỉ định; hoặc được Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất chọn Trọng tài viên duy nhất hoặc yêu cầu Chủ tịch MCAC chỉ định; hoặc được bầu chọn (đối với Trọng tài viên là Chủ tịch Hội đồng Trọng tài).

- Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trên, các Trọng tài viên gửi Bản tuyên bố của Trọng tài viên cho MCAC.

- Trọng tài viên do Nguyên đơn chọn hoặc được Chủ tịch MCAC chỉ định sẽ liên lạc với Trọng tài viên được Bị đơn chọn hoặc được Chủ tịch MCAC chỉ định thực hiện các công việc như sau:

+ Hai Trọng tài viên thống nhất bầu Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

+ Thông báo cho Ban Thư ký MCAC về thông tin của Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài hoặc thông báo việc không thống nhất được việc Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

- Thời gian: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Trọng tài viên được Bị đơn chọn hoặc được Chủ tịch MCAC chỉ định.

Lưu ý: Hình thức liên hệ giữa các Trọng tài viên và với MCAC có thể bằng trực tiếp, hoặc điện thoại, hoặc qua thư điện tử.

Khi chỉ định, chọn Trọng tài viên trong Hội đồng Trọng tài đảm bảo có ít nhất một Trọng tài viên có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực của vụ tranh chấp, một Trọng tài viên nắm vững tố tụng trọng tài, có kỹ năng soạn thảo Phán quyết trọng tài cũng như các văn bản tố tụng.

[11] Điều 11 Quy tắc tố tụng Trọng tài của MCAC

3. Hội đồng Trọng tài gồm ba trọng tài viên[12]:

Trừ khi các bên có thoả thuận khác, Nguyên đơn phải chọn hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên. Trong trường hợp có nhiều Nguyên đơn thì các Nguyên đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc thống nhất yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên và phải thông báo cho Trung tâm. Trong trường hợp tên của người được chọn làm Trọng tài viên không có trong Danh sách Trọng tài viên thì Nguyên đơn phải thông báo cho Trung tâm địa chỉ liên hệ của Trọng tài viên này.

Trong trường hợp Nguyên đơn yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Nguyên đơn.

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Bị đơn phải chọn một Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên và phải thông báo cho Trung tâm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, Thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.

Trong trường hợp có nhiều Bị đơn thì các Bị đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc thống nhất yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên và phải thông báo cho Trung tâm. Trong trường hợp tên của người được chọn làm Trọng tài viên không có trong Danh sách Trọng tài viên thì Bị đơn phải thông báo cho Trung tâm địa chỉ liên hệ của Trọng tài viên này.

Trong trường hợp Bị đơn yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Bị đơn.

Trong trường hợp Bị đơn không chọn Trọng tài viên hoặc không yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày nêu trên, thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Bị đơn.

Trong trường hợp có nhiều Bị đơn, nếu các Bị đơn không thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc không thống nhất yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày nêu trên, thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho các Bị đơn.

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Trọng tài viên được Bị đơn chọn hoặc được Chủ tịch Trung tâm chỉ định nhận được thông báo về việc được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên, các Trọng tài viên phải bầu Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài và thông báo cho Trung tâm. Hết thời hạn này mà Trung tâm không nhận được thông báo về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết hạn, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

Khi ra quyết định nêu trên, Chủ tịch Trung tâm cân nhắc các tiêu chuẩn cần thiết của Trọng tài viên theo thỏa thuận của các bên và theo Quy tắc Tố tụng này. Chủ tịch Trung tâm

[12] Điều 12 Quy tắc tố tụng Trọng tài của MCAC.

cũng cân nhắc việc Trọng tài viên được chỉ định có đủ thời gian để giải quyết vụ tranh chấp có hiệu quả hay không.

3.1. Quy trình tố tụng thành lập Hội đồng trọng tài trong trường hợp Nguyên đơn và Bị đơn chọn Trọng tài viên.

- Nguyên đơn chọn một Trọng tài viên khi nộp Đơn khởi kiện.

- Bị đơn chọn một Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan từ MCAC.

- Hai Trọng tài viên này sẽ bầu một Trọng tài viên khác làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Trọng tài viên được Bị đơn chọn. Hết thời hạn này mà MCAC không nhận được thông báo về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết hạn, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

- Chủ tịch MCAC ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Trọng tài.

3.2. Quy trình tố tụng thành lập Hội đồng trọng tài trong trường hợp Nguyên đơn và Bị đơn không chọn Trọng tài viên[13]

- Nguyên đơn yêu cầu MCAC chỉ định Trọng tài viên, thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Nguyên đơn.

- Bị đơn yêu cầu MCAC chỉ định Trọng tài viên hoặc MCAC ra quyết định chỉ định Trọng tài viên thay cho Bị đơn.

+ Bị đơn yêu cầu MCAC chỉ định một Trọng tài viên thì phải thông báo cho MCAC trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.

+ Trong trường hợp Bị đơn yêu cầu MCAC chỉ định Trọng tài viên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu chỉ định Trọng tài viên, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Bị đơn.

- Trong trường hợp Bị đơn không chọn Trọng tài viên hoặc không yêu cầu MCAC chỉ định Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày nêu trên, thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Bị đơn.

- Hai Trọng tài viên được chỉ định trên phải bầu một Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Trọng tài viên được nhận được thông báo về việc được chỉ định làm Trọng tài viên. Hết thời hạn này mà MCAC không nhận được thông báo về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết hạn, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

- Chủ tịch MCAC ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Trọng tài.

[13] Điều 12 Quy tắc tố tụng Trọng tài của MCAC

4. Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất[14]

Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất chọn Trọng tài viên duy nhất hoặc yêu cầu Chủ tịch MCAC chỉ định Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày Bị đơn nhận được Thông báo, Đơn kiện lại, thoả thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan. Trừ khi các bên có thoả thuận khác. Hoặc Chủ tịch MCAC chỉ định Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 07 ngày, trong trường hợp các bên không thống nhất được Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày Bị đơn nhận được Thông báo, Đơn kiện lại, thoả thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.

Chủ tịch MCAC ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Trọng tài.

5.Các quy định về Trọng tài viên và việc thay đổi Trọng tài viên.

5.1. Trọng tài viên đủ điều kiện tham gia Hội đồng trọng tài.

5.1.1. Là Trọng tài viên của MCAC hoặc là người đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện Trọng tài viên[15]

Những người có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự;

- Có trình độ đại học và đã qua thực tế công tác theo ngành đã học từ 5 năm trở lên;

-Trong trường hợp đặc biệt, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, tuy không đáp ứng được yêu cầu trình độ đại học và đã qua thực tế công tác theo ngành đã học từ 5 năm trở lên, cũng có thể được chọn làm Trọng tài viên.

Không thuộc một những người sau đây:

- Người đang là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên, thừa phát lại, công chức thuộc các cơ quan tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án;

- Người đang là bị can, bị cáo, người đang chấp hành án hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích;

- Trường hợp khác theo quy định của Luật Trọng tài thương mại.

5.1.2. Trọng tài viên không thuộc một trong các trường hợp sau[16]

- Là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên;

- Có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp;

- Đã là hoà giải viên, người đại diện, luật sư của bất kỳ bên nào trong chính vụ tranh chấp đang được đưa ra giải quyết tại Trung tâm, trừ khi các bên có chấp thuận bằng văn bản;

- Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, độc lập hoặc không khách quan;

[14] Điều 13 Quy tắc tố tụng Trọng tài của MCAC
[15] Điều 20 Luật Trọng tài thương mại 2010
[16] Khoản 3 Điều 16 Quy tắc Tố tụng của MCAC

- Không đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể mà các bên đã thoả thuận.

5.2. Thay đổi Trọng tài viên[17]

1. Trọng tài viên được chọn hoặc được chỉ định để tham gia Hội đồng trọng tài phải từ chối giải quyết tranh chấp, hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên giải quyết tranh chấp khi Trọng tài viên không đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy tắc Tố tụng Trọng tài của MCAC.

2. Đơn từ chối giải quyết vụ tranh chấp của Trọng tài viên, Đơn yêu cầu thay đổi Trọng tài viên của một hoặc các bên phải được gửi tới Trung tâm. Nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm quyết định. Nếu Hội đồng Trọng tài đã được thành lập và có một Trọng tài viên từ chối hoặc bị yêu cầu thay đổi thì việc thay đổi Trọng tài viên đó do các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài quyết định; nếu các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài không quyết định được thì Chủ tịch Trung tâm quyết định. Trong các trường hợp khác, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm quyết định.

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất, việc thay đổi Trọng tài viên duy nhất do Chủ tịch Trung tâm quyết định.

Quyết định của các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc của Chủ tịch Trung tâm về việc thay đổi Trọng tài viên có thể không nêu căn cứ ra quyết định. Quyết định này là cuối cùng.

3. Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm quyết định thay đổi Trọng tài viên thì Trọng tài viên thay thế được chọn hoặc chỉ định theo các quy định tại Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc Tố tụng Trọng tài của MCAC. Các bên không được chọn Trọng tài viên đã bị thay đổi, Chủ tịch Trung tâm không được chỉ định Trọng tài viên đã bị thay đổi.

Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm quyết định không thay đổi Trọng tài viên thì Trọng tài viên này phải tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

4. Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài có thể ấn định các chi phí phát sinh từ việc thay đổi Trọng tài viên và có thể quyết định bên phải chịu chi phí đó.

5. Trong trường hợp Trọng tài viên chết hoặc vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không thể tiếp tục tham gia giải quyết vụ tranh chấp thì việc chọn hoặc chỉ định Trọng tài viên thay thế được thực hiện theo quy định tại Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc Tố tụng Trọng tài của MCAC.

6. Sau khi tham khảo ý kiến của các bên, Hội đồng Trọng tài mới được thành lập có thể xem xét lại những vấn đề đã được đưa ra tại các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng Trọng tài trước đó.

[17] Điều 17 Quy tắc Tố tụng của MCAC

C. HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP

C.I. Những quy định chung của việc tổ chức các buổi họp của Hội đồng trọng tài

- Tất cả các vấn đề giải quyết thuộc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài đều được thực hiện dưới hình thức là buổi họp của Hội đồng Trọng tài.

- Hội đồng Trọng tài phải tổ chức Buổi họp của Hội đồng Trọng tài trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của các bên về những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài.

- Thành phần tham gia Buổi họp của Hội đồng Trọng tài: các Trọng tài viên của Hội đồng Trọng tài hoặc Trọng tài viên duy nhất, thư ký.

- Hình thức Buổi họp: Gặp trực tiếp, conference call, hoặc các hình thức phù hợp khác theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

- Địa điểm tổ chức: Hội đồng Trọng tài quyết định theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

- Báo cáo kết quả Buổi họp: Chủ tịch Hội đồng Trọng tài thông báo cho Ban Thư ký trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc Buổi họp.

- Văn bản kết quả giải quyết của Buổi họp của Hội đồng Trọng tài được ban hành theo mẫu quy định của MCAC, các Trọng tài viên ký và được đóng dấu bởi con dấu của MCAC.

- Cách thức liên hệ giữa Hội đồng Trọng tài, giữa Hội đồng Trọng tài với Ban Thư ký: Gặp trực tiếp, conference call, hoặc các hình thức phù hợp khác.

- Những Buổi họp của Hội đồng Trọng tài không được đề cập trong Bản hướng dẫn này thì được thực hiện tương tự như quy định nêu trên.

- Những mục khác nếu có quy định riêng, khác với quy định chung tại mục này thì được ưu tiên áp dụng.

1. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét thẩm quyền và thoả thuận trọng tài và vấn đề phát sinh liên quan[18]

1.1. Nội dung Buổi họp của Hội đồng trọng tài

Buổi họp của Hội đồng Trọng tài nhằm xem xét sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài, hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét thẩm quyền Hội đồng Trọng tài theo quy định tại điều 43 Luật Trọng tài thương mại 2010 và điều 28 Quy tắc Tố tụng Trọng tài MCAC:

1.Trước khi xem xét nội dung vụ tranh chấp, Hội đồng trọng tài phải xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài; thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét thẩm quyền của mình. Trong trường hợp vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp. Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc xác định rõ thỏa thuận trọng tài không thể thực

[18] Điều 28 Quy tắc Tố tụng của MCAC.

hiện được thì Hội đồng trọng tài quyết định đình chỉ việc giải quyết và thông báo ngay cho các bên biết.

2. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu phát hiện Hội đồng trọng tài vượt quá thẩm quyền, các bên có thể khiếu nại với Hội đồng trọng tài. Hội đồng trọng tài có trách nhiệm xem xét, quyết định.

3. Trường hợp các bên đã có thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm trọng tài cụ thể nhưng Trung tâm trọng tài này đã chấm dứt hoạt động mà không có tổ chức trọng tài kế thừa, thì các bên có thể thỏa thuận lựa chọn Trung tâm trọng tài khác; nếu không thỏa thuận được, thì có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết.

4. Trường hợp các bên đã có thỏa thuận cụ thể về việc lựa chọn Trọng tài viên trọng tài vụ việc, nhưng tại thời điểm xảy ra tranh chấp, vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà Trọng tài viên không thể tham gia giải quyết tranh chấp, thì các bên có thể thỏa thuận lựa chọn Trọng tài viên khác để thay thế; nếu không thỏa thuận được, thì có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết.

5. Trường hợp các bên đã có thỏa thuận trọng tài nhưng không chỉ rõ hình thức trọng tài hoặc không thể xác định được tổ chức trọng tài cụ thể, thì khi có tranh chấp, các bên phải thỏa thuận lại về hình thức trọng tài hoặc tổ chức trọng tài cụ thể để giải quyết tranh chấp. Nếu không thỏa thuận được thì việc lựa chọn hình thức, tổ chức trọng tài để giải quyết tranh chấp được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn.

1.2. Trình tự, thời gian Buổi họp của Hội đồng trọng tài

- Thời gian tổ chức Buổi họp của Hội đồng Trọng tài: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Trọng tài hoặc Trọng tài viên duy nhất gửi Bản tuyên bố nhận làm Trọng tài viên đến MCAC.

- Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài có tồn tại, thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

- Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

- Hội đồng Trọng tài có thể lập riêng Quyết định về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài hoặc quyết định về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài trong Phán quyết trọng tài.

1.3. Các bên khiếu nại về Quyết định của Hội đồng trọng tài về việc không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng trọng tài (gọi tắt là Quyết định về Thoả thuận trọng tài)[19]

(i) Nội dung đơn khiếu nại theo quy định, và khiếu nại một trong các nội dung sau:

- Không có thỏa thuận trọng tài;

[19] Điều 44 Luật Trọng tài thương mại 2010 và điều 10 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP

- Thỏa thuận trọng tài vô hiệu;

- Thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được;

- Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài

(ii) Đơn khiếu nại phải có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật TTTM và nộp kèm theo các tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật TTTM. Cụ thể:

- Đơn khiếu nại phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

+ Ngày, tháng, năm làm đơn khiếu nại;

+ Tên và địa chỉ của bên khiếu nại;

+ Nội dung yêu cầu.

- Đơn khiếu nại phải kèm theo bản sao đơn khởi kiện, thoả thuận trọng tài, quyết định của Hội đồng trọng tài. Trường hợp giấy tờ kèm theo bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và được chứng thực hợp lệ. Trường hợp Hội đồng trọng tài không ban hành quyết định riêng về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thì người yêu cầu phải cung cấp những tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Hội đồng trọng tài không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đó.

(iii) Thời gian thực hiện việc khiếu nại: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn. Tòa án phải thông báo cho Hội đồng trọng tài biết về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại.

(iv)Cơ quan thụ lý giải quyết Khiếu nại: Toà án cấp tỉnh nơi HĐTT ra quyết định[20]

(v) Trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, Chánh án Toà án có thẩm quyền phân công một Thẩm phán xem xét, giải quyết đơn khiếu nại.

- Thẩm phán căn cứ vào đơn khiếu nại, tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và quy định tại các điều 5, 6, 18 Luật TTTM để xác định khiếu nại về việc không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng trọng tài là có căn cứ hay không có căn cứ. Trong trường hợp cần thiết, Thẩm phán có thể đề nghị Hội đồng trọng tài trình bày ý kiến của họ về nội dung khiếu nại.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét, ra quyết định giải quyết khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra Quyết định giải quyết khiếu nại, Tòa án gửi quyết định cho các bên, Hội đồng trọng tài, Trọng tài viên, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

- Căn cứ vào quy định của pháp luật mà Thẩm phán chấp nhận hoặc không chấp nhận khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài về việc không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận

[20] Điểm c khoản 2 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại 2010.

trọng tài vô hiệu, thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng trọng tài. Tòa án nêu rõ lý do và căn cứ của việc chấp nhận hoặc không chấp nhận khiếu nại, tùy từng trường hợp cụ thể mà xử lý như sau:

a) Trường hợp Tòa án xác định vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì xử lý như sau:

a1) Trường hợp Hội đồng trọng tài đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ việc thì các bên có quyền thỏa thuận, lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp.

a2) Trường hợp vụ việc đang được Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Tòa án, Hội đồng trọng tài phải ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp theo quy định tại khoản 6 Điều 44 Luật TTTM, cụ thể: Nếu không có thoả thuận khác, các bên có quyền khởi kiện vụ tranh chấp ra Toà án. Thời hiệu khởi kiện ra Toà án được xác định theo quy định của pháp luật. Thời gian từ ngày nguyên đơn khởi kiện tại Trọng tài đến ngày Toà án ra quyết định thụ lý giải quyết vụ tranh chấp không tính vào thời hiệu khởi kiện.

a3) Trường hợp Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết trọng tài thì một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài theo thủ tục chung.

b) Trường hợp Tòa án xác định vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài không vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài thực hiện được thì xử lý như sau:

b1) Trường hợp Hội đồng trọng tài đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Tòa án, Hội đồng trọng tài tiếp tục thụ lý, giải quyết tranh chấp theo thủ tục chung.

b2) Trường hợp Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết trọng tài thì một hoặc các bên có quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài hoặc yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài theo thủ tục chung.

b3) Trường hợp vụ việc đang được Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp thì Hội đồng trọng tài tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

- Trong khi Tòa án giải quyết đơn khiếu nại, Hội đồng trọng tài vẫn có thể tiếp tục giải quyết tranh chấp.

2. Hội đồng Trọng tài xem xét việc thay đổi Trọng tài viên

Hội đồng trọng tài xem xét việc thay đổi Trọng tài viên khi một trong các bên có quyền yêu cầu hoặc khi Trọng tài viên có yêu cầu từ chối giải quyết tranh chấp.

Trình tự thủ tục và các quy định khác của Buổi họp Hội đồng Trọng tài tham khảo mục C.I. trên.

3. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét nội dung hồ sơ vụ tranh chấp

Thời gian tổ chức buổi họp: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày kết thúc Buổi họp của Hội đồng Trọng tài xem xét thẩm quyền và thoả thuận trọng tài tại mục C.I. hoặc cùng với Buổi họp của Hội đồng Trọng tài xem xét thẩm quyền và thoả thuận trọng tài.

3.1. Xem xét hồ sơ vụ tranh chấp

Kiểm tra tài liệu, chứng cứ mà các bên cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Tài liệu, chứng cứ về nội dung vụ tranh chấp;

- Quy định của pháp luật giải quyết vụ tranh chấp;

- Xem xét thẩm quyền của các bên;

- Những người tham gia phiên họp giải quyết vụ tranh chấp của các bên;

- Danh sách người làm chứng, chuyên gia, tổ chức cá nhân giám định, định giá nếu có bên yêu cầu.

Buổi họp của Hội đồng Trọng tài này cũng có thể thống nhất chọn thời gian, địa điểm tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nếu không phát sinh các Buổi họp của Hội đồng Trọng tài khác theo yêu cầu các bên.

3.2. Xem xét các vấn đề liên quan đến thoả thuận trọng tài

Hội đồng Trọng tài xem xét các vấn đề trong thoả thuận trọng tài mà các bên thoả thuận (nếu có): Địa điểm giải quyết tranh chấp, số lượng Trọng tài viên, ngôn ngữ tố tụng trọng tài, luật áp dụng giải quyết tranh chấp…

3.2.1. Xác định địa điểm giải quyết tranh chấp và địa điểm tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp

- Địa điểm giải quyết tranh chấp là nơi Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo sự thỏa thuận lựa chọn của các bên hoặc do Hội đồng trọng tài quyết định nếu các bên không có thỏa thuận. Nếu địa điểm giải quyết tranh chấp được tiến hành trên lãnh thổ Việt Nam thì phán quyết phải được coi là tuyên tại Việt Nam mà không phụ thuộc vào nơi Hội đồng trọng tài tiến hành phiên họp để ra phán quyết đó.[21]

- Các bên có quyền thoả thuận địa điểm giải quyết tranh chấp; trường hợp không có thoả thuận thì Hội đồng trọng tài quyết định. Địa điểm giải quyết tranh chấp có thể ở trong lãnh thổ Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam.

- Trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, Hội đồng trọng tài có thể tiến hành phiên họp tại địa điểm được xem là thích hợp cho việc trao đổi ý kiến giữa các thành viên của Hội đồng trọng tài, việc lấy lời khai của người làm chứng, tham vấn ý kiến các chuyên gia hoặc tiến hành việc giám định hàng hoá, tài sản hoặc tài liệu khác.[22]

[21] Khoản 8 Điều 3 Luật Trọng tài Thương mại 2010
[22] Điều 11 Luật Trọng tài thương mại 2010

3.2.2. Xác định ngôn ngữ trọng tài[23]

Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.

Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc vụ tranh chấp trong đó có ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

- Ngôn ngữ trọng tài do các bên thỏa thuận.

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận, HĐTT quyết định ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài, có tính đến các yếu tố có liên quan bao gồm ngôn ngữ của hợp đồng.

- Nếu một tài liệu được lập bằng ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ trọng tài thì Hội đồng Trọng tài hoặc Trung tâm, nếu HĐTT chưa được thành lập, có thể yêu cầu một bên hoặc các bên cung cấp bản dịch.

3.2.3. Xác định luật áp dụng giải quyết vụ tranh chấp[24]

- Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp.

- Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật do các bên thỏa thuận lựa chọn; nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng trọng tài cho là phù hợp nhất.

- Trường hợp pháp luật Việt Nam, pháp luật do các bên lựa chọn không có quy định cụ thể liên quan đến nội dung tranh chấp thì Hội đồng trọng tài được áp dụng tập quán quốc tế để giải quyết tranh chấp nếu việc áp dụng hoặc hậu quả của việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

4. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời của một hoặc các bên (nếu có yêu cầu)

4.1. Quy định đối với bên yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT)

- Phải có Đơn yêu cầu với các nội dung theo quy định gửi đến Hội đồng trọng tài.

- Phải cung cấp chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó.

- Phải thực hiện bảo đảm tài chính như một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá để bảo đảm việc bồi thường những thiệt hại do việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng gây ra cho bên bị áp dụng.

- Chỉ được yêu cầu áp dụng BPKCTT đối với bên tranh chấp, không áp dụng đối với bên thứ ba.

[23] Điều 10 Luật Trọng tài thương mại 2010
[24] Điều 14 Luật Trọng tài thương mại 2010

- Chỉ có quyền yêu cầu áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 49 Luật Trọng tài Thương mại 2010, cụ thể:

+ Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp;

+ Cấm hoặc buộc bất kỳ bên tranh chấp nào thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng bất lợi đến quá trình tố tụng trọng tài;

+ Kê biên tài sản đang tranh chấp;

+ Yêu cầu bảo tồn, cất trữ, bán hoặc định đoạt bất kỳ tài sản nào của một hoặc các bên tranh chấp;

+ Yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên;

+ Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.

4.2. Quy định đối với Hội đồng trọng tài khi áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT) *(Theo quy định tại điều 49 Luật Trọng tài thương mại 2010)*

- Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu một trong các bên đã yêu cầu Tòa án áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời mà sau đó lại có đơn yêu cầu Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Hội đồng trọng tài phải từ chối.

- Trước khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hội đồng trọng tài có quyền buộc bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thực hiện nghĩa vụ bảo đảm tài chính.

- Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác hoặc vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bên yêu cầu mà gây thiệt hại cho bên yêu cầu, bên bị áp dụng hoặc người thứ ba thì người bị thiệt hại có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

4.2.1. Những điều kiện, quy định để Hội đồng trọng tài xem xét.

- Phải có Đơn yêu cầu áp dụng một hoặc một số BPKCTT.

- Bên yêu cầu phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng BPKCTT đó.

- Bên yêu cầu áp dụng BPKCTT đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm về tài chính để bảo đảm việc bồi thường những thiệt hại do việc yêu cầu áp dụng BPKCTT không đúng gây thiệt hại cho người bị áp dụng.

- Chưa có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT.

- Chỉ được áp dụng BPKCTT đối với bên tranh chấp, không áp dụng đối với bên thứ ba.

- Xem xét những trường hợp không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 02/2020/NQ- HĐTP của HĐTP TANDTC ngày 24 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn một số quy định về các BPKCTT của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác hoặc vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bên yêu cầu mà gây thiệt hại cho bên yêu cầu, bên

bị áp dụng hoặc người thứ ba thì người bị thiệt hại có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

4.2.2. Trình tự, thủ tục đối với Hội đồng trọng tài khi áp dụng BPKCTT

Căn cứ theo quy định tại Điều 50 Luật Trọng tài thương mại 2010 thì thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài như sau:

Bước 1: Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải làm đơn gửi đến Hội đồng trọng tài.

- Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải có các nội dung chính sau đây:

+ Ngày, tháng, năm làm đơn;

+ Tên, địa chỉ của bên có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

+ Tên, địa chỉ của bên bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

+ Tóm tắt nội dung tranh chấp;

+ Lý do cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

+ Biện pháp khẩn cấp tạm thời cần được áp dụng và các yêu cầu cụ thể.

Kèm theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bên yêu cầu phải cung cấp cho Hội đồng trọng tài chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó.

Bước 2: Hội đồng Trọng tài xem xét Đơn yêu cầu, chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng BPKCTT đó.

- Trường hợp Hội đồng Trọng tài xét thấy việc áp dụng BPKCTT là cần thiết và Đơn yêu cầu đúng theo quy định thì sẽ tiếp tục thực hiện các quy trình sau:

+ Hội đồng Trọng tài ban hành văn bản yêu cầu bên yêu cầu áp dụng BPKCTT gửi khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng do Hội đồng trọng tài chỉ định và gửi ngay trong ngày về Ban thư ký MCAC.

+ Ban thư ký MCAC trong vòng 24 giờ đồng hồ phải gửi văn bản trên cho bên yêu cầu áp dụng BPKCTT theo cách thức gửi văn bản của tố tụng trọng tài.

+ Hội đồng trọng tài ban hành Quyết định áp dụng BPKCTT và gửi cho Bên yêu cầu, cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày bên yêu cầu áp dụng BPKCTT đã thực hiện biện pháp bảo đảm theo văn bản mà HĐTT đã yêu cầu.

Việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

- Trường hợp Hội đồng Trọng tài xét thấy việc áp dụng BPKCTT là không cần thiết hoặc Đơn yêu cầu không đúng theo quy định hoặc chứng cứ chứng minh không phù hợp hoặc bên yêu cầu đã có đơn yêu cầu Toà án áp dụng BPKCTT thì Hội đồng Trọng tài ban hành Quyết định không áp dụng BPKCTT, gửi đến bên yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn yêu cầu.

5. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét yêu cầu thay đổi, bổ sung việc áp dụng các BPKCTT (nếu có yêu cầu)

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 và Điều 50 Luật Trọng tài thương mại 2010 thì thủ tục thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài như sau:

Bước 1: Bên yêu cầu thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thờip phải làm đơn gửi đến Hội đồng trọng tài.

- Đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời phải có các nội dung chính sau đây:

+ Ngày, tháng, năm làm đơn;

+ Tên, địa chỉ của bên có yêu cầu thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời;

+ Tên, địa chỉ của bên bị yêu cầu thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời;

+ Tóm tắt nội dung tranh chấp;

+ Lý do cần phải thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời;

+ Biện pháp khẩn cấp tạm thời cần thay đổi, bổ sung và các yêu cầu cụ thể.

Kèm theo đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời, bên yêu cầu phải cung cấp cho Hội đồng trọng tài chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó.

Bước 2: Theo quyết định của Hội đồng trọng tài, bên yêu cầu thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời phải gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá do Hội đồng trọng tài ấn định tương ứng với giá trị thiệt hại có thể phát sinh do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng gây ra để bảo vệ lợi ích của bên bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá được gửi vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng do Hội đồng trọng tài quyết định.

Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, ngay sau khi bên yêu cầu đã thực hiện biện pháp bảo đảm thì Hội đồng trọng tài xem xét ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu, Hội đồng trọng tài thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho bên yêu cầu biết.

6. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét yêu cầu huỷ bỏ việc áp dụng các BPKCTT (nếu có yêu cầu)

6.1. Các trường hợp H**ội đồng trọng tài hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được áp dụng theo quy định tại** khoản 3 Điều 51 Luật Trọng tài thương mại 2010, cụ thể:

- Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề nghị hủy bỏ;

- Bên phải thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã nộp tài sản hoặc có người khác thực hiện biện pháp bảo đảm thi hành nghĩa vụ đối với bên có yêu cầu;

- Nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ chấm dứt theo quy định của pháp luật.

6.2. Thủ tục hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Trọng tài thương mại 2010:

Bước 1: Bên yêu cầu phải có đơn đề nghị hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời gửi Hội đồng trọng tài;

Bước 2: Hội đồng trọng tài xem xét ra quyết định huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và xem xét, quyết định để bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhận lại tài sản bảo đảm quy định tại khoản 3 Điều 50 của Luật Trọng tài thương mại 2010, trừ trường hợp bên yêu cầu Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chịu trách nhiệm bồi thường do yêu cầu không đúng gây thiệt hại cho bên bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cho người thứ ba.

Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và Cơ quan thi hành án dân sự.

7. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xác minh sự việc (nếu cần thiết)[25]

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Hội đồng trọng tài có quyền gặp hoặc trao đổi với các bên với sự có mặt của bên kia bằng các hình thức thích hợp để làm sáng tỏ các vấn đề có liên quan đến vụ tranh chấp. Hội đồng trọng tài có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên tìm hiểu sự việc từ người thứ ba, với sự có mặt của các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên biết.

7.1. Điều kiện để HĐTT xác minh sự việc

- HĐTT xét thấy xác minh sự việc là cần thiết.

- Có một hoặc các bên yêu cầu xác minh sự việc.

7.2. Đối tượng để Hội đồng trọng tài xác minh sự việc

- Một hoặc các bên trong vụ tranh chấp.

- Người thứ ba.

7.3. Địa điểm Hội đồng trọng tài xác minh sự việc

HĐTT quyết định địa điểm phù hợp cho việc trao đổi với các bên, người thứ ba.

7.4. Quy định về buổi họp xác minh sự việc của Hội đồng trọng tài

Hình thức xác minh: Gặp trực tiếp giữa Hội đồng trọng tài với một hoặc các bên; hoặc với người thứ ba.

Khi thực hiện việc xác minh sự việc với một bên: Phải có sự tham gia của bên kia bằng hình thức thích hợp.

Khi thực hiện việc xác minh sự việc với người thứ ba: Phải có sự tham gia của các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên trong tranh chấp.

[25] Điều 45 Luật Trọng tài Thương mại 2010

Văn bản về kết quả buổi họp xác minh sự việc của Hội đồng trọng tài**:** Hội đồng trọng tài quyết định hình thức văn bản, có ghi lại quá trình, nội dung buổi làm việc.

8. Buổi họp của Hội đồng trọng tài xem xét, thu thập chứng cứ [26](nếu cần thiết)

8.1. Quyền yêu cầu của một hoặc các bên cung cấp chứng cứ

Điều kiện áp dụng: Nếu Hội đồng trọng tài xét thấy chứng cứ là cần thiết cho việc giải quyết vụ tranh chấp.

Hình thức: Yêu cầu bằng văn bản và có quy định thời hạn cụ thể. Thời gian có thể gia hạn nếu một hoặc các bên yêu cầu và Hội đồng trọng tài xét thấy cần thiết, phù hợp.

8.2. Quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ tranh chấp[27]

8.2.1. Vấn đề xác định ai là Người làm chứng

Một hoặc các bên thông báo cho Hội đồng trọng tài về Người làm chứng. Hội đồng trọng tài không tự xác định (tham khảo khái niệm Người làm chứng theo Bộ luật Tố tụng dân sự).

HĐTT yêu cầu Một hoặc các bên thông báo cho HĐTT các thông tin về Người làm chứng:

- Tên và địa chỉ của Người làm chứng.

- Đối tượng cần làm chứng.

- Mối quan hệ giữa Người làm chứng với một hoặc các bên.

- Ngôn ngữ mà Người làm chứng sử dụng (nếu cần thiết).

Hình thức tham gia của Người làm chứng: Hội đồng trọng tài triệu tập người làm chứng đến dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp theo yêu cầu của một hoặc các bên.

Trường hợp Người làm chứng không đến thì:

- Hội đồng trọng tài hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và gửi văn bản đề nghị Toà án có thẩm quyền hỗ trợ hoặc,

- Vẫn tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

- Hội đồng trọng tài yêu cầu Người làm chứng gửi cho Hội đồng trọng tài văn bản trình bày lời khai và/hoặc cung cấp tài liệu cần thiết.

8.2.2. **Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài về triệu tập người làm chứng**[28]

1. Theo yêu cầu của một hoặc các bên và xét thấy cần thiết, Hội đồng trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng có mặt tại phiên họp giải quyết tranh chấp. Chi phí cho người làm chứng do bên yêu cầu triệu tập người làm chứng chịu hoặc do Hội đồng trọng tài phân bổ.

[26] Điều 46 Luật Trọng tài Thương mại 2010
[27] Điều 20 Quy tắc Tố tụng của MCAC
[28] Điều 47 Luật Trọng tài Thương mại 2010

2. Trường hợp người làm chứng đã được Hội đồng trọng tài triệu tập hợp lệ mà không đến phiên họp nhưng không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây cản trở cho việc giải quyết tranh chấp, thì Hội đồng trọng tài gửi văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định triệu tập người làm chứng đến phiên họp của Hội đồng trọng tài. Văn bản phải nêu rõ nội dung vụ việc đang được giải quyết tại Trọng tài; họ, tên, địa chỉ của người làm chứng; lý do cần triệu tập người làm chứng; thời gian, địa điểm người làm chứng cần phải có mặt.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị triệu tập người làm chứng của Hội đồng trọng tài, Chánh án Tòa án có thẩm quyền phân công một Thẩm phán xem xét, giải quyết yêu cầu triệu tập người làm chứng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải ra quyết định triệu tập người làm chứng.

Quyết định triệu tập người làm chứng phải ghi rõ tên Hội đồng trọng tài yêu cầu triệu tập người làm chứng; nội dung vụ tranh chấp; họ, tên, địa chỉ của người làm chứng; thời gian, địa điểm người làm chứng phải có mặt theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài.

Tòa án phải gửi ngay quyết định này cho Hội đồng trọng tài, người làm chứng đồng thời gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng có nghĩa vụ nghiêm chỉnh thi hành quyết định của Tòa án.

8.3. Quyền đề nghị Toà án hỗ trợ thu thập chứng cứ (nếu Hội đồng trọng tài xét thấy cần thiết)[29]

8.3.1. Điều kiện áp dụng: Trong trường hợp Hội đồng trọng tài, một hoặc các bên đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được thì có thể gửi văn bản đề nghị Toà án có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác liên quan đến vụ tranh chấp. Văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung vụ việc đang giải quyết tại Trọng tài, chứng cứ cần thu thập, lý do không thu thập được, tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ chứng cứ cần thu thập đó.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, Chánh án Tòa án có thẩm quyền phân công một Thẩm phán xem xét, giải quyết yêu cầu thu thập chứng cứ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ cung cấp chứng cứ cho Tòa án và gửi văn bản đó cho Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ chứng cứ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được chứng cứ do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, Tòa án phải thông báo cho Hội đồng trọng tài, bên yêu cầu biết để tiến hành việc giao nhận chứng cứ.

[29] Khoản 5 Điều 19 Quy tắc Tố tụng của MCAC

Trường hợp quá thời hạn quy định mà cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu thì Tòa án phải thông báo ngay cho Hội đồng trọng tài, bên yêu cầu biết đồng thời có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.[30]

8.3.2. Hình thức đề nghị: Gửi văn bản.

9. Buổi họp của Hội đồng trọng tài về vấn đề trưng cầu giám định, định giá tài sản trong vụ tranh chấp[31]

9.1. Điều kiện áp dụng

- Một hoặc các bên có yêu cầu, hoặc

- Hội đồng trọng tài xét thấy cần thiết

9.2. Trình tự, thủ tục

Hội đồng trọng tài quyết định trưng cầu giám định hoặc định giá tài sản, và yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi Thông báo cho bên có yêu cầu hoặc các bên có yêu cầu giám định hoặc định giá tài sản nộp chi phí cho việc yêu cầu ấy.

Khi nhận được Thông báo từ Thư ký vụ tranh chấp về việc một hoặc các bên đã nộp chi phí giám định hoặc định giá tài sản, Hội đồng trọng tài gửi văn bản cho tổ chức/cá nhân giám định hoặc định giá để tiến hành giám định hoặc định giá tài sản. Kết quả giám định hoặc định giá tài sản là căn cứ khách quan để giải quyết vụ tranh chấp.

Trường hợp khi nhận được Thông báo từ Thư ký vụ tranh chấp về việc một hoặc các bên đã không nộp đủ chi phí giám định hoặc định giá tài sản, Hội đồng trọng tài quyết định giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

10. Hội đồng trọng tài tham vấn ý kiến chuyên gia để giải quyết vụ tranh chấp[32]

10.1. Điều kiện áp dụng

- Một hoặc các bên có yêu cầu, hoặc,

- Hội đồng trọng tài xét thấy cần thiết.

10.2. Trình tự, thủ tục

Bước 01: Hội đồng trọng tài quyết định tham vấn ý kiến chuyên gia và yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi Thông báo cho bên có yêu cầu tham vấn hoặc các bên nộp chi phí tham vấn chuyên gia.

Hai trường hợp có thể xảy ra:

- Khi nhận được Thông báo từ Thư ký vụ tranh chấp về việc một hoặc các bên không nộp đủ phí tham vấn chuyên gia, Hội đồng trọng tài quyết định giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

[30] Khoản 5, khoản 6 Điều 46 Luật Trọng tài thương mại 2010
[31] Khoản 3 Điều 19 Quy tắc Tố tụng của MCAC.
[32] Khoản 4 Điều 19 Quy tắc Tố tụng của MCAC

- Khi nhận được Thông báo từ Thư ký vụ tranh chấp về việc một hoặc các bên đã nộp đủ phí tham vấn chuyên gia, Hội đồng trọng tài gửi văn bản yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi cho các bên yêu cầu cung cấp cho chuyên gia các thông tin có liên quan hoặc cho phép chuyên gia tiếp cận tài liệu, hàng hoá hoặc tài sản có liên quan và thực hiện các bước tiếp theo dưới đây.

Bước 02: Hội đồng trọng tài yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi yêu cầu chuyên gia nộp Báo cáo kết quả làm việc bằng văn bản.

Bước 03: Hội đồng trọng tài khi nhận được Báo cáo kết quả làm việc bằng văn bản của chuyên gia sẽ yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi bản sao Báo cáo này cho các bên và yêu cầu các bên cung cấp ý kiến bằng văn bản về Báo cáo này.

Bước 04: Hội đồng trọng tài xem xét Báo cáo của chuyên gia và ý kiến của các bên về Báo cáo của chuyên gia để giải quyết vụ tranh chấp.

11. Buổi họp của Hội đồng trọng tài về việc đình chỉ vụ tranh chấp [33]

Hội đồng trọng tài tổ chức buổi họp để giải quyết việc đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp trong các trường hợp sau đây:

a) Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế;

b) Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cơ quan, tổ chức đã chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức mà không có cơ quan, tổ chức nào tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó;

c) Nguyên đơn rút Đơn khởi kiện, trừ trường hợp Bị đơn có Đơn kiện lại;

d) Nguyên đơn được coi là đã rút Đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Quy tắc Tố tụng này, trừ trường hợp Bị đơn có yêu cầu tiếp tục giải quyết tranh chấp;

e) Các bên thoả thuận chấm dứt việc giải quyết tranh chấp;

f) Khi có Quyết định của Hội đồng Trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy tắc Tố tụng của MCAC;

g) Khi có Quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật. Trình tự thủ tục và các quy định khác của Buổi họp Hội đồng trọng tài tham khảo mục C.I. trên.

Hội đồng Trọng tài ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập thì Chủ tịch MCAC ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

Khi có quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp, các bên không có quyền khởi kiện yêu cầu Trọng tài giải quyết lại vụ tranh chấp đó nếu việc khởi kiện vụ tranh chấp sau không có gì khác với vụ tranh chấp trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ các trường hợp quy định tại điểm c và điểm đ nêu trên.

[33] Điều 59 Luật Trọng tài Thương mại 2010 và Điều 30 Quy tắc Tố tụng của MCAC.

D. PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP

1. Hội đồng trọng tài họp chuẩn bị phiên họp giải quyết tranh chấp và gửi Giấy triệu tập

1.1. Nguyên tắc

- Trong mọi trường hợp phải tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp, Hội đồng trọng tài không được tự ra Phán quyết trọng tài mà không tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp.

- Phiên họp giải quyết tranh chấp được tiến hành không công khai, trừ khi các bên có thoả thuận khác.

- Có thể tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp khi vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn hoặc khi có yêu cầu vắng mặt của một hoặc các bên.

1.2. Thời gian tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp

- Có thể có một hoặc nhiều phiên họp giải quyết tranh chấp

- Có thể tiến hành trong một buổi, một ngày hoặc nhiều ngày liên tiếp hoặc nhiều ngày ngắt quãng.

1.3. Nơi tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp

- Do các bên thoả thuận, hoặc

- Do Hội đồng trọng tài quyết định khi các bên không có thoả thuận. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp tại bất kỳ nơi nào mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp, trừ khi các bên có thoả thuận khác. Hội đồng Trọng tài có thể tổ chức các cuộc họp bằng bất kỳ hình thức gì và tại bất kỳ nơi nào mà Hội trọng trọng tài cho là phù hợp.

STT	TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI
1	Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC)	115 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	0236 3656799
2	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại Nghệ An	146 Hồng Bàng, phường Lê Mao, thành phố Vinh, Nghệ An	0912 574 738
3	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại Đắk Lắk	166 Phan Chu Trinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.	0907 421 919
4	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại Gia Lai	60 Trần Khánh Dư, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, Gia Lai.	0905 771 772

5	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại Hồ Chí Minh	Tầng 3, số 237 Khánh Hội, Phường 02, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	(028)62707075 – 0921161750
6	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại Quảng Ngãi	Tầng 5, tòa nhà Ricco, 186 Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi.	0912155501
7	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại Quảng Nam	155 Trần Văn Dư, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	0913 492 186
8	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại Bình Định	80 Lê Hồng Phong, phường Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	0903 500 255
9	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại Thừa Thiên Huế	Số 5 Kiệt 187 Phan Đình Phùng, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	0913 495 636
10	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại Khánh Hòa	20 đường 1B, Khu đô thị Lê Hồng Phong II, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang	0913 449 968
11	Văn phòng đại diện Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) tại thành phố Hà Nội	Tầng 12A, Tòa nhà Sao Mai, 19 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	0936111248

1.4. Thành phần tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp.

- Hội đồng Trọng tài;

- Các bên trong tranh chấp (bao gồm cả người đại diện theo uỷ quyền và người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của các bên);

- Chuyên gia hoặc người làm chứng, tổ chức, cá nhân giám định, định giá tài sản (nếu có);

- Thư ký vụ tranh chấp.

1.5. Trình tự thông báo, gửi Giấy triệu tập tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp

"Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được Trung tâm gửi cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp, trừ khi các bên không có thoả thuận khác"[34]

1.5.1. Quy định về thời gian để Hội đồng Trọng tài quyết định thời gian tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

Không quá 30 ngày:

- Kể từ ngày Hội đồng Trọng tài được thành lập, hoặc

- Kể từ ngày kết thúc Buổi họp của Hội đồng Trọng tài giải quyết xong các vấn đề phát sinh (trừ trường hợp có quy định khác).

1.5.2. Quy định về trình tự gửi Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

Hội đồng Trọng tài không quá 20 ngày trước ngày tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp phải gửi cho Thư ký vụ tranh chấp văn bản Giấy triệu tập.

Thư ký vụ tranh chấp gửi Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp, trừ khi các bên không có thoả thuận khác.

1.6. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp – trường hợp bị hoãn[35]

1.6.1. Các trường hợp hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp

- Một bên hoặc các bên yêu cầu với lý do chính đáng.

- Hội đồng Trọng tài quyết định hoãn nếu thấy cần thiết (trường hợp cần hạn chế vì sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí, thời gian, thủ tục tố tụng,…)

1.6.2. Gửi thông báo hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp

Trường hợp một hoặc các bên yêu cầu: Trong thời hạn tối đa là 02 ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu hoãn, Hội đồng Trọng tài phải ra quyết định hoãn hoặc tiếp tục phiên họp và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp. Quyết định hoãn phải ấn định thời gian, nơi tiến hành, thành phần tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp tiếp theo.

Trường hợp Hội đồng Trọng tài quyết định: Trong thời hạn tối đa là 02 ngày kể từ ngày Hội đồng Trọng tài thống nhất ý kiến về việc hoãn phiên họp, Hội đồng Trọng tài phải ra quyết định hoãn phiên họp và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp. Quyết định hoãn phải ấn định thời gian, nơi tiến hành, thành phần tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp tiếp theo.

1.7. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

1.7.1. Các quy định chung đối với Trọng tài viên trong HĐTT tại phiên họp

- Có mặt tại phòng họp 30 phút trước khi bắt đầu phiên họp giải quyết tranh chấp.

[34] Khoản 2 Điều 25 Quy tắc Tố tụng của MCAC.
[35] Điều 26 Quy tắc Tố tụng của MCAC.

- Trang phục công sở, lịch sự.

- Thái độ nghiêm túc, lịch sự, nhã nhặn. Không mang điện thoại vào phòng họp.

- Mang theo toàn bộ hồ sơ vụ tranh chấp.

- Chủ tịch HĐTT là người điều hành phiên họp. Các Trọng tài viên khác khi muốn hỏi hoặc trao đổi các vấn đề thì phải thông báo để Chủ tịch HĐTT điều hành theo đúng tiến trình phiên họp.

- Trọng tài viên không thể hiện quan điểm về các vấn đề thuộc nội dung vụ tranh chấp. Trọng tài viên không tranh luận với các thành viên khác trong HĐTT trước mặt các bên.

- Chỉ ra khỏi phòng họp trong giờ nghỉ giải lao hoặc khi thật sự cần thiết sau khi đã thông báo với Chủ tịch HĐTT, với các Trọng tài viên khác.

- Trọng tài viên lắng nghe và tạo điều kiện cho các bên trình bày quan điểm về vụ tranh chấp.

- Trọng tài viên không công bố ngay Phán quyết trọng tài (trừ trường hợp ra Quyết định công nhận hoà giải thành và các vụ kiện có tính chất đơn giản đã được thảo luận trước và tại phiên họp không có thêm tình tiết, lập luận, chứng cứ mới)

1.7.2. Quy trình tổ chức và điều hành phiên họp giải quyết tranh chấp.

1.7.2.1. Phần thủ tục bắt đầu phiên họp giải quyết tranh chấp.

1.Thư ký phiên họp kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên họp theo giấy triệu tập của MCAC trọng tài và kiểm tra căn cước của đương sự;

2. Thư ký vụ tranh chấp phổ biến nội quy phiên họp cho những người có mặt biết.

3. Thư ký vụ tranh chấp báo cáo với HĐTT về sự có mặt, hoặc vắng mặt của những người tham gia phiên họp theo Giấy triệu tập của HĐTT và lý do vắng mặt (nếu có).

4. Chủ tịch HĐTT giới thiệu thành phần Hội đồng trọng tài.

1.7.2.2. HĐTT xem xét, quyết định những vấn đề trước khi tiếp tục phiên họp giải quyết tranh chấp

1. Chủ tịch HĐTT đề nghị các bên cho ý kiến về thành phần HĐTT, có yêu cầu thay đổi Trọng tài viên.

2. Chủ tịch HĐTT yêu cầu các bên có thay đổi, bổ sung gì về Đơn kiện, Đơn kiện lại, Bản tự bảo vệ, Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại.

3. Chủ tịch HĐTT hỏi các bên có thoả thuận hoà giải với nhau về các vấn đề tranh chấp không HĐTT khuyến khích các bên thương lượng, hoà giải ở bất cứ giai đoạn nào của phiên họp giải quyết tranh chấp. Nếu các bên đạt được sự hoà giải thì HĐTT sẽ lập Biên bản hoà giải thành. Hội đồng Trọng tài phải xem xét sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài, hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét phạm vi thẩm quyền của mình cho dù có hay không có khiếu nại của một bên về các vấn đề này.

4. Trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

5. Trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài có tồn tại, thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được nhưng có khiếu nại của một hoặc các bên thì Hội đồng Trọng tài ban hành Quyết định về thẩm quyền hoặc thể hiện quyết định ấy trong Phán quyết trọng tài.

6.Trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài có tồn tại, thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được, và không có khiếu nại của bên nào thì Hội đồng Trọng tài tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

1.7.2.3. Diễn biến phiên họp giải quyết tranh chấp.

a.Các bên trình bày yêu cầu khởi kiện, đơn kiện lại

Nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung (nếu có) và trình bày tóm tắt nội dung vụ tranh chấp.

Bị đơn trình bày ý kiến đối với các yêu cầu trong Đơn kiện của Nguyên đơn, trình bày các nội dung trong Bản tự bảo vệ, yêu cầu bổ sung Đơn kiện lại và trình bày tóm tắt nội dung vụ tranh chấp có liên quan đến Đơn kiện lại (nếu có).

Người làm chứng, người giám định,… trình bày các vấn đề liên quan (nếu có).

b. HĐTT hỏi các bên

HĐTT thứ tự đặt ra những câu hỏi đối với nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, người giám định,… để làm rõ vấn đề của vụ tranh chấp.

c. Các bên tranh luận

HĐTT sẽ điều hành sự tranh luận của các bên theo trình tự hợp lý Nguyên đơn, bị đơn tranh luận những vấn đề liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về yêu cầu của Đơn kiện lại của Bị đơn (nếu có). HĐTT xét thấy cần thiết có thể yêu cầu các bên tranh luận bổ sung về những vấn đề cụ thể để làm căn cứ giải quyết vụ tranh chấp.

d. Hội đồng trọng tài kết luận về những vấn đề tranh chấp và tuyên bố

Các bên sau khi kết thúc thì HĐTT vào phòng riêng để hội ý về giải quyết vụ tranh chấp. HĐTT trở lại phòng họp, kết luận về những vấn đề tranh chấp và tuyên bố:

- Thời gian, địa điểm tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp tiếp theo (nếu cần thiết), hoặc

- HĐTT tuyên bố đây là phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp nếu HĐTT thấy rằng các bên không còn bất kỳ tài liệu hoặc chứng cứ có liên quan nào để cung cấp.

Lưu ý: Sau phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp, HĐTT không có nghĩa vụ xem xét bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào do các bên gửi.

1.8. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp – trường hợp các bên hoà giải[36]

1.8.1. Điều kiện áp dụng

- Khi các bên có yêu cầu HĐTT tiến hành hoà giải;

- Tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

1.8.2. Thời gian tiến hành hoà giải

Bất cứ thời điểm nào tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp khi các bên có yêu cầu.

1.8.3. Cách thức thực hiện

- HĐTT tham gia phân tích, gợi ý phương án hoà giải cho các bên, hoặc

- HĐTT rời phòng họp để các bên tiến hành hoà giải, sau đó các bên thông báo kết quả hoà giải cho HĐTT.

1.8.4. Hình thức pháp lý

a.Nếu các bên hoà giải thành

HĐTT yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp giúp các bên lập Biên bản hoà giải thành. Biên bản hoà giải thành phải có chữ ký của các bên, chữ ký của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất.

HĐTT ban hành Quyết định công nhận hoà giải thành.

Lưu ý: Quan điểm, lập luận, đề xuất của các bên đưa ra khi hoà giải không được sử dụng làm căn cứ để chống lại một/các bên khi hoà giải không thành.

b.Nếu các bên hoà giải không thành: **HĐTT tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.**

HĐTT tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

1.9. Lập và gửi Phán quyết trọng tài.

1.9.1. Nguyên tắc lập Phán quyết trọng tài[37]

- Phán quyết trọng tài được lập theo nguyên tắc đa số. Ý kiến thiểu số có thể được ghi hoặc không ghi trong Phán quyết trọng tài.

- Nếu không đạt được đa số thì Phán quyết trọng tài được quyết định bởi Chủ tịch HĐTT.

- Trong mọi trường hợp, các Trọng tài viên đều phải ký vào Phán quyết trọng tài. Khi có Trọng tài viên không ký vào Phán quyết trọng tài thì Chủ tịch HĐTT phải ghi việc này trong Phán quyết trọng tài và nêu rõ lý do.

1.9.2. Thời gian lập và gửi Phán quyết trọng tài

Phán quyết trọng tài phải được lập và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp.

[36] Điều 29 Quy tắc Tố tụng của MCAC và Điều 58 Luật Trọng tài thương mại 2010
[37] Điều 60 Luật Trọng tài thương mại 2010 và Điều 31 Quy tắc Tố tụng của MCAC.

1.9.3. Nội dung Phán quyết trọng tài[38]:

1. Phán quyết trọng tài phải được lập bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Ngày, tháng, năm và địa điểm ra phán quyết;

b) Tên, địa chỉ của nguyên đơn và bị đơn;

c) Họ, tên, địa chỉ của Trọng tài viên;

d) Tóm tắt đơn khởi kiện và các vấn đề tranh chấp;

đ) Căn cứ để ra phán quyết, trừ khi các bên có thoả thuận không cần nêu căn cứ trong phán quyết;

e) Kết quả giải quyết tranh chấp;

g) Thời hạn thi hành phán quyết;

h) Phân bổ chi phí trọng tài và các chi phí khác có liên quan;

i) Chữ ký của Trọng tài viên.

2. Khi có Trọng tài viên không ký tên vào phán quyết trọng tài, Chủ tịch Hội đồng trọng tài phải ghi việc này trong phán quyết trọng tài và nêu rõ lý do. Trong trường hợp này, phán quyết trọng tài vẫn có hiệu lực.

3. Phán quyết trọng tài được ban hành ngay tại phiên họp hoặc chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng.

4. Phán quyết trọng tài phải được gửi cho các bên ngay sau ngày ban hành. Các bên có quyền yêu cầu Trung tâm trọng tài hoặc Hội đồng trọng tài vụ việc cấp bản sao phán quyết trọng tài.

5. Phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

1.9.4. Trình tự lập và gửi Phán quyết trọng tài

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng, Chủ tịch HĐTT/Trọng tài viên duy nhất hoặc thành viên khác của HĐTT (nếu được Chủ tịch HĐTT giao) (gọi tắt là Người soạn thảo) soạn thảo dự thảo Phán quyết trọng tài, và gửi dự thảo này cho các thành viên HĐTT góp ý.

Trong vòng 6 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo Phán quyết trọng tài, các thành viên còn lại của HĐTT phải gửi ý kiến của mình cho Người soạn thảo.

Trong vòng 4 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các thành viên khác của HĐTT thì Người soạn thảo phải hoàn thiện Phán quyết trọng tài và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp qua email.

Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo Phán quyết trọng tài, Thư ký vụ tranh chấp kiểm tra các lỗi chính tả (nếu có) và chỉnh sửa lại hình thức trình bày cho phù hợp

[38] Điều 61 Luật Trọng tài thương mại 2010

với mẫu quy định của Trung tâm, Thư ký vụ tranh chấp cũng có thể góp ý về nội dung Phán quyết trọng tài và gửi góp ý trong bản dự thảo cho Người soạn thảo (nếu có).

Lưu ý: Thư ký vụ tranh chấp có thể đề xuất ý kiến dựa trên tiền lệ các vụ tranh chấp đã giải quyết tại Trung tâm, các nghiên cứu chuyên môn của MCAC có liên quan để HĐTT tham khảo.

Người soạn thảo hoàn thiện lần cuối (có tham gia ý kiến của các thành viên HĐTT trong trường hợp HĐTT có 3 trọng tài viên). Người soạn thảo in Phán quyết trọng tài với số lượng phù hợp với số lượng Nguyên đơn, Bị đơn, ký và chuyển cho các Trọng tài viên còn lại ký Phán quyết trọng tài trong thời hạn 4 ngày.

Người soạn thảo gửi các bản Phán quyết trọng tài có chữ ký các Trọng tài viên HĐTT bằng hình thức phù hợp để Thư ký vụ tranh chấp nhận được trong vòng 2 ngày, kể từ ngày Người soạn thảo gửi.

Thư ký vụ tranh chấp đóng dấu MCAC lên các bản Phán quyết trọng tài và gửi ngay cho các bên trong vòng 1 ngày kể từ ngày nhận.

1.10. Sửa chữa, giải thích Phán quyết trọng tài hoặc lập phán quyết trọng tài bổ sung (nếu có)[39]

1.10.1. Sửa chữa Phán quyết trọng tài

1.10.1.1. Điều kiện áp dụng

Theo yêu cầu của một hoặc các bên trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài (trừ khi các bên có thoả thuận khác) và có chứng cứ về việc đã thông báo cho bên kia, hoặc HĐTT chủ động sửa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập Phán quyết trọng tài.

Chỉ sửa những lỗi chính tả, lỗi in, lỗi đánh máy và các lỗi khác có bản chất tương tự; lỗi số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai trong Phán quyết trọng tài.

1.10.1.2. Nguyên tắc lập Quyết định sửa chữa Phán quyết trọng tài

Theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số thì Quyết định sửa chữa Phán quyết trọng tài được quyết định bởi Chủ tịch HĐTT. Khi có Trọng tài viên không ký vào Quyết định sửa chữa Phán quyết trọng tài thì Chủ tịch HĐTT phải ghi việc này trong Quyết định sửa chữa Phán quyết trọng tài và nêu rõ lý do.

1.10.1.3. Thời hạn sửa Phán quyết trọng tài.

1.Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết, trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, một bên có thể yêu cầu Hội đồng trọng tài sửa chữa những lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai trong phán quyết nhưng phải thông báo ngay cho bên kia biết. Trường hợp Hội đồng trọng tài thấy yêu cầu này là chính đáng thì phải sửa chữa trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, một bên có thể yêu cầu Hội đồng trọng tài giải thích về điểm cụ thể hoặc phần nội dung của phán quyết nhưng phải thông báo ngay cho bên kia. Nếu Hội đồng

[39] Điều 63 Luật Trọng tài Thương mại 2010

trọng tài thấy rằng yêu cầu này là chính đáng thì phải giải thích trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nội dung giải thích này là một phần của phán quyết.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành phán quyết, Hội đồng trọng tài có thể chủ động sửa những lỗi quy định tại khoản 1 nêu trên và thông báo ngay cho các bên.

4. Trường hợp các bên không có thoả thuận khác, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết, một bên có thể yêu cầu Hội đồng trọng tài ra phán quyết bổ sung đối với những yêu cầu được trình bày trong quá trình tố tụng nhưng không được ghi trong phán quyết và phải thông báo ngay cho bên kia biết. Nếu Hội đồng trọng tài cho rằng yêu cầu này là chính đáng thì ra phán quyết bổ sung trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

5. Trường hợp cần thiết, Hội đồng trọng tài có thể gia hạn việc sửa chữa, giải thích hoặc ra phán quyết bổ sung theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 nêu trên.

1.10.2. Giải thích Phán quyết trọng tài[40].

1.10.2.1 Điều kiện áp dụng

Theo yêu cầu của một hoặc các bên trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài (trừ khi các bên có thoả thuận khác) và có chứng cứ về việc đã thông báo cho bên kia.

1.10.2.2. Nguyên tắc lập Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài.

Theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số thì Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài được quyết định bởi Chủ tịch HĐTT. Khi có Trọng tài viên không ký vào Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài thì Chủ tịch HĐTT phải ghi việc này trong Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài và nêu rõ lý do.

1.10.2.3 Thời hạn lập Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu giải thích, HĐTT phải lập Quyết định giải thích và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp hoặc thông báo cho Thư ký vụ tranh chấp về việc HĐTT không chấp nhận yêu cầu lập Quyết định giải thích và nêu rõ lý do. HĐTT có thể gia hạn thời hạn này trong trường hợp cần thiết.

1.11. Lập Phán quyết trọng tài bổ sung [41]

1.11.1. Điều kiện áp dụng

- Theo yêu cầu của một hoặc các bên trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài

(trừ khi các bên có thoả thuận khác) và có chứng cứ về việc đã thông báo cho bên kia.

- Chỉ lập Phán quyết trọng tài bổ sung đối với các yêu cầu đã được trình bày trong quá trình tố tụng

trọng tài nhưng không được ghi trong Phán quyết trọng tài.

[40] Điều 63 Luật Trọng tài thương mại 2010
[41] Điều 63 Luật Trọng tài thương mại 2010

1.11.2. Nguyên tắc lập Phán quyết trọng tài bổ sung

Theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số thì Phán quyết trọng tài bổ sung được quyết định bởi Chủ tịch HĐTT. Khi có Trọng tài viên không ký vào Phán quyết trọng tài bổ sung thì Chủ tịch HĐTT phải ghi việc này trong Phán quyết trọng tài bổ sung và nêu rõ lý do.

1.11.3. Thời hạn lập Phán quyết trọng tài bổ sung

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu lập Phán quyết trọng tài bổ sung, HĐTT phải lập Phán quyết trọng tài bổ sung và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp hoặc thông báo cho Thư ký vụ tranh chấp về việc HĐTT không chấp nhận yêu cầu lập Phán quyết trọng tài bổ sung và nêu rõ lý do. HĐTT có thể gia hạn thời hạn này trong trường hợp cần thiết.

E. THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

1.Quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài

Theo quy định tại Điều 66 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định một trong các điều kiện để bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài là: không có yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 Luật trọng tài thương mại. Đối với phán quyết của Trọng tài vụ việc, bên được thi hành có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài sau khi phán quyết được đăng ký theo quy định tại Điều 62 của Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

2. Về thời hiệu thi hành phán quyết trọng tài

Theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự và Điều 4 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/07/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án Dân sự thì thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kỳ thì thời hạn 05 năm được áp dụng cho từng định kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

Trên cơ sở theo Khoản 5 Điều 61 Luật trọng tài thương mại năm 2010 quy định phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Đối với phán quyết của Trọng tài vụ việc, bên được thi hành có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài sau khi phán quyết được đăng ký theo quy định tại Điều 62 của Luật TTTM. Điều 62 Luật TTTM năm 2010 quy định: Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày ban hành phán quyết trọng tài, bên yêu cầu đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc phải gửi đơn xin đăng ký phán quyết trọng tài tới Tòa án có thẩm quyền. Sau khi nhận được đơn xin đăng ký phán quyết trọng tài thì Tòa án thực hiện việc đăng ký hoặc từ chối đăng ký phán quyết. Vì vậy, để có thể tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS phải yêu cầu đương sự chứng minh việc phán quyết trọng tài đã được đăng ký tại Tòa án.

3. Cơ quan có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài:

Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài là Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Hội đồng trọng tài ra phán quyết.[42] Mặt khác, theo quy định tại Điều 55 Luật THADS sửa đổi bổ sung năm 2014 thì thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải uỷ thác thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở. Như vậy, cơ quan THADS cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết có thể lại phải ủy thác thi hành án đến nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở.

4. Thủ tục thi hành phán quyết trọng tài:

Theo quy định tại Điều 1, khoản 1 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014(Luật THADS sửa đổi bổ sung năm 2014) và Điều 67 Luật TTTM năm 2010 thì Phán quyết trọng tài được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Theo đó, Trình tự thủ tục thực hiện yêu cầu Thi hành phán quyết trọng tài như sau:

Bước 1: ***Gửi đơn yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài***

[1]. Tiếp nhận, từ chối yêu cầu thi hành án[43]

- Đương sự tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án bằng hình thức trực tiếp nộp đơn hoặc trình bày bằng lời nói hoặc gửi đơn qua bưu điện. Người yêu cầu phải nộp bản án, quyết định, tài liệu khác có liên quan. Ngày yêu cầu thi hành án được tính từ ngày người yêu cầu nộp đơn hoặc trình bày trực tiếp hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.
- Đơn yêu cầu phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của người yêu cầu;

b) Tên cơ quan thi hành án dân sự nơi yêu cầu;

c) Tên, địa chỉ của người được thi hành án; người phải thi hành án;

d) Nội dung yêu cầu thi hành án;

đ) Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, nếu có;

e) Ngày, tháng, năm làm đơn;

g) Chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm đơn; trường hợp là pháp nhân thì phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của pháp nhân, nếu có.

- Trường hợp người yêu cầu trực tiếp trình bày bằng lời nói thì cơ quan thi hành án dân sự phải lập biên bản có các nội dung như đơn yêu cầu theo quy định, có chữ ký của người lập biên bản; biên bản này có giá trị như đơn yêu cầu.
- Khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải kiểm tra nội dung yêu cầu và các tài liệu kèm theo, vào sổ nhận yêu cầu thi hành án và thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu.

[42] Khoản 1 Điều 8 Luật Trọng tài thương mại 2010

[43] Điều 31 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 13 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015

- Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án trong các trường hợp sau đây:

a) Người yêu cầu không có quyền yêu cầu thi hành án hoặc nội dung yêu cầu không liên quan đến nội dung của bản án, quyết định; bản án, quyết định không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định;

b) Cơ quan thi hành án dân sự được yêu cầu không có thẩm quyền thi hành án;

c) Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

[2]. Thẩm quyền thi hành án[44]

Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại là Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Hội đồng trọng tài ra phán quyết.

CƠ QUAN THI HÀNH ÁN CẤP TỈNH TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cơ quan thi hành án	Số điện thoại	Địa chỉ
Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội	024 3359 8426	Tổ dân phố Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, Từ Liêm, Hà Nội

[3] Người yêu cầu thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án quy định[45].

Người có quyền yêu cầu thi hành án dân sự là người được thi hành án và người phải thi hành án. Trong đó:

- Người được thi hành án là đương sự trong vụ án dân sự bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức được hưởng quyền, lợi ích trong bản án, quyết định được thi hành.

- Người phải thi hành án là đương sự trong vụ án dân sự bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành.

<u>Bước 2:</u> Nhận quyết định thi hành án theo yêu cầu

[1]. Thông báo thi hành án

Việc thông báo về thi hành án theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 của Luật Thi hành án dân sự được thực hiện lần đầu. Trường hợp người được thông báo đồng ý thì từ lần thông báo thứ hai trở đi, cơ quan thi hành án dân sự có thể thực hiện thông báo qua VNeID hoặc Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp. Nếu người được thông báo không đồng ý về hình

[44] Điều 35 Luật Thi hành án dân sự năm 2008
[45] Điều 7 Luật Thi hành án dân sự 2008 sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014 và Điều 7a Luật Thi hành án dân sự 2008 bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014

thức thông báo từ lần thứ hai trở đi thì cơ quan thi hành án dân sự thực hiện thông báo theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Việc thông báo trực tiếp cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện như sau:

a) Do Chấp hành viên, công chức làm công tác thi hành án giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo;

b) Do bưu tá; người được cơ quan thi hành án ủy quyền; tổ trưởng tổ dân phố; trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc; Ủy ban nhân dân, công an cấp xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được thông báo có địa chỉ, cư trú, công tác, chấp hành hình phạt tù giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo.

[2]. Thời gian thi hành án tự nguyện

Thời hạn tự nguyện thi hành án là **10 ngày**, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án.

Trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc hành vi khác nhằm trốn tránh việc thi hành án thì Chấp hành viên áp dụng ngay biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Cưỡng chế thi hành án

Hết thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế.

Không tổ chức cưỡng chế thi hành án trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định.

Các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự:

Các biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi 2014) bao gồm:

- Phong toả tài khoản;
- Tạm giữ tài sản, giấy tờ;
- Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản.

Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự:

Biện pháp cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 71 Luật Thi hành án dân sự 2008, bao gồm:

- Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.
- Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.

- Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ.

- Khai thác tài sản của người phải thi hành án.

- Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ.

- Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.

<u>Bước 3:</u> Xác minh điều kiện thi hành án

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải tiến hành xác minh ngay. Người phải thi hành án phải kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án với cơ quan thi hành án dân sự và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình.

Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 06 tháng một lần, Chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án; trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 01 năm một lần. Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh. Việc xác minh lại được tiến hành khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.

Cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, cư trú, làm việc hoặc có trụ sở để xác minh điều kiện thi hành án.

Người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự. Trường hợp Chấp hành viên thấy cần thiết hoặc kết quả xác minh của Chấp hành viên và người được thi hành án khác nhau hoặc có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thì phải xác minh lại. Việc xác minh lại được tiến hành trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp hoặc nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân.

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án:

- Cơ quan, tổ chức, công chức tư pháp - hộ tịch, địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường, cán bộ, công chức cấp xã khác và cá nhân có liên quan thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên và phải chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin đã cung cấp;

- Bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; ký vào biên bản trong trường hợp Chấp hành viên xác minh trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời hạn

03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người được thi hành án hoặc người đại diện theo ủy quyền của người được thi hành án có yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trường hợp người được thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai sự thật về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, thanh toán các chi phí phát sinh, trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

Bước 4: Kết thúc thi hành án[46]

Việc thi hành án đương nhiên kết thúc trong trường hợp sau đây:

1. Có xác nhận của cơ quan thi hành án dân sự về việc đương sự đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ của mình;

2. Có quyết định đình chỉ thi hành án

Phí thi hành án dân sự[47]***:***

1. Người được thi hành án phải nộp phí thi hành án dân sự như sau:

a) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên hai lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định đến 5.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 3% số tiền, giá trị tài sản thực nhận;

b) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 5.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 150.000.000 đồng cộng với 2% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 5.000.000.000 đồng;

c) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 7.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 190.000.000 đồng cộng với 1% số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 7.000.000.000 đồng;

d) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 10.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 220.000.000 đồng cộng 0,5% số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 10.000.000.000 đồng;

đ) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận trên 15.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 245.000.000 đồng cộng với 0,01% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 15.000.000.000 đồng.

[46] Điều 52 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bởi Khoản 23 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015
[47] Điều 4 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự

2. Đối với vụ việc chia tải sản chung, chia thừa kế; chia tài sản trong ly hôn; vụ việc mà các bên vừa có quyền, vừa có nghĩa vụ đối với tài sản thi hành án (chỉ cần một trong các bên có yêu cầu thi hành án), thì người được cơ quan thi hành án dân sự giao tiền, tài sản thi hành án phải nộp phí thi hành án dân sự tương ứng với giá trị tiền, tài sản thực nhận.

3. Đối với trường hợp nhiều người được nhận một tài sản cụ thể hoặc nhận chung một khoản tiền theo bản án, quyết định nhưng chỉ có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án mà Chấp hành viên đã tổ chức giao tài sản, khoản tiền đó cho người đã yêu cầu hoặc người đại diện của người đã có yêu cầu để quản lý thì người yêu cầu hoặc người đại diện đó phải nộp phí thi hành án dân sự tính trên toàn bộ giá trị tiền, tài sản thực nhận theo mức quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án nhưng chưa ra quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc đã ra quyết định cưỡng chế thi hành án nhưng chưa thực hiện việc cưỡng chế thi hành án mà đương sự tự giao, nhận tiền, tài sản cho nhau thì người được thi hành án phải nộp 1/3 mức phí thi hành án dân sự quy định tại khoản 1 Điều này tính trên số tiền, tài sản thực nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 6 Thông tư này.

5. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã thu được tiền hoặc đã thực hiện việc cưỡng chế thi hành án thì người được thi hành án phải nộp 100% mức phí thi hành án dân sự theo quy định tại khoản 1 điều này tính trên số tiền, tài sản thực nhận.

III. THAM KHẢO PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI THỰC TẾ

1.Tổng hợp 10 phán quyết trọng tài về tranh chấp Hợp đồng liên quan đến Bất động sản: https://fdvn.vn/tong-hop-10-phan-quyet-trong-tai-ve-tranh-chap-hop-dong-lien-quan-den-bat-dong-san/

2.Phán quyết Trọng tài nước ngoài theo Công ước New York 1958: https://fdvn.vn/phan-quyet-trong-tai-nuoc-ngoai-theo-cong-uoc-new-york-1958/

3.Tổng hợp 31 Quyết định của Tòa án về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài: https://fdvn.vn/tong-hop-31-quyet-dinh-cua-toa-an-ve-giai-quyet-yeu-cau-huy-phan-quyet-trong-tai/

4.Tổng hợp 24 Bản án, quyết định liên quan đến phán quyết trọng tài: https://fdvn.vn/tong-hop-24-ban-an-quyet-dinh-lien-quan-den-phan-quyet-trong-tai/

FDVN LAWFIRM

IV. MẪU ĐƠN KÈM THEO

Lưu ý mẫu đơn theo Nghị quyết ban hành, ở các phần trình bày trên sẽ có nội dung link với mẫu bên dưới.

DANH MỤC MẪU VĂN BẢN KÈM THEO

STT	CÁC MẪU VĂN BẢN KÈM THEO
1	Mẫu Đơn khởi kiện tại Trọng tài
2	Mẫu Đơn kiện lại
3	Mẫu bản tự bảo vệ
5	Mẫu Đơn yêu cầu thi hành án

FDVN LAWFIRM

MẪU SỐ 01: ĐƠN KHỞI KIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

VỤ TRANH CHẤP TRỌNG TÀI

TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI MIỀN TRUNG

THEO QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA MCAC

giữa

CÔNG TY […….]

- Nguyên đơn -

và

CÔNG TY […….]

- Bị đơn -

ĐƠN KHỞI KIỆN[48]

[…, ngày … tháng … năm]

[48] Mẫu này chỉ nhằm mục đích tham khảo. Các bên không bắt buộc phải sử dụng theo Mẫu này. Các bên có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tính chất và diễn biến của vụ tranh chấp cũng như nhu cầu, mục đích sử dụng của mình. Các bên có thể liên hệ với Ban thư ký MCAC để được hướng dẫn chi tiết.

Thông tin các Bên trong vụ tranh chấp[49]

1. Nguyên đơn là Công ty […….] với thông tin cụ thể như sau:

   Địa chỉ :

   Người đại diện theo pháp luật :

   Mã số thuế :

   Điện thoại :

   Fax :

   Email :

2. Nguyên đơn trong vụ tranh chấp này được đại diện bởi ông/bà […….] theo Giấy ủy quyền số […….] ngày […….] tháng […….] năm […….].
3. Bị đơn là Công ty […….] với thông tin cụ thể như sau:

   Địa chỉ :

   Người đại diện theo pháp luật :

   Điện thoại :

   Fax :

   Email :

I. Tóm tắt vụ tranh chấp[50]

4. Ngày […….] tháng […….] năm […….], Nguyên đơn và Bị đơn ký Hợp đồng/Thỏa thuận/… số […….] về việc mua bán hàng hóa/cung cấp dịch vụ/…

   Theo Hợp đồng/Thỏa thuận/…, Nguyên đơn có quyền/nghĩa vụ […….] Bị đơn có quyền/nghĩa vụ […….].
5. Trên thực tế, Nguyên đơn đã thực hiện/không thực hiện Hợp đồng/Thỏa thuận …. *(ghi rõ đã thực hiện/không thực hiện như thế nào).* Bị đơn đã thực hiện/không thực hiện Hợp đồng/Thỏa thuận …. *(ghi rõ đã thực hiện/không thực hiện như thế nào).*

[49] MCAC khuyến nghị Nguyên đơn cung cấp các địa chỉ chính xác của Nguyên đơn và của Bị đơn nêu tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư. Ngoài địa chỉ nhận văn thư qua đường bưu điện, việc Nguyên đơn cung cấp thêm các thông tin liên lạc như số điện thoại, số fax, email, v.v. sẽ giúp ích rất nhiều cho việc liên lạc, trao đổi giữa MCAC và các bên khi tiến hành các bước trong tố tụng trọng tài.

[50] Tại mục này, Nguyên đơn trình bày tóm tắt nội dung, sự kiện, tình tiết chính của vụ tranh chấp.

6. Nay giữa hai bên phát sinh tranh chấp […….] *(ghi rõ tranh chấp về vấn đề gì).*

7. Các nội dung khác (nếu có): […….]

II. Cơ sở khởi kiện[51]

8. Tại thỏa thuận trọng tài số […….] ngày […….]/ Điều […….] về giải quyết tranh chấp của Hợp đồng/Thỏa thuận, các Bên thỏa thuận như sau: [“…….”] *(Ghi rõ nội dung thỏa thuận trọng tài).*

9. Do các bên phát sinh tranh chấp, căn cứ quy định trên, Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn ra MCAC.

III. Trị giá tranh chấp và các yêu cầu cụ thể của Nguyên đơn

10. Tổng trị giá vụ tranh chấp là: […….][52].

11. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu tại mục III trên đây, Nguyên đơn đưa ra các yêu cầu sau:

(i) […….];
(ii) […….];
(iii) […….];
…..

IV. Các vấn đề khác

12. Nguyên đơn chọn ông/bà […….] làm Trọng tài viên /Nguyên đơn đề nghị Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên để giải quyết vụ tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn. Ông/Bà […….] là Trọng tài viên trong/ngoài Danh sách Trọng tài viên của MCAC[53].

13. Vui lòng liên hệ với ông/bà […….][54] theo địa chỉ sau:

Địa chỉ:……..
Số điện thoại:…….....
Email:…….

[51] Tại mục này, Nguyên đơn trình bày các quy định Hợp đồng cũng như các quy định pháp luật có liên quan mà Nguyên đơn căn cứ vào đó để khởi kiện và yêu cầu Bị đơn, kèm theo các lập luận và tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

[52] Tổng trị giá vụ tranh chấp là tổng giá trị tính bằng tiền của các yêu cầu khởi kiện có trị giá của Nguyên đơn. Trị giá của vụ tranh chấp là căn cứ để MCAC tính phí trọng tài khi MCAC nhận đơn khởi kiện.

[53] MCAC khuyến nghị Nguyên đơn chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và tự mình chọn người đủ chuyên môn, uy tín làm Trọng tài viên giải quyết tranhchấp. Nguyên đơn (cũng như Bị đơn) KHÔNG bắt buộc phải chọn người thuộc Danh sách Trọng tài viên MCAC làm Trọng tài viên giải quyết tranh chấp. Danh sách Trọng tài viên MCAC chỉ mang tính khuyến nghị.

[54] Nếu Nguyên đơn chọn Trọng tài viên ngoài danh sách, vui lòng cung cấp cho MCAC địa chỉ liên hệ chính xác và cập nhật, bao gồm: địa chỉ bưu chính, số điện thoại, email, fax (nếu có).

14. Về ngôn ngữ trọng tài, Điều […….] của Hợp đồng/Thỏa thuận quy định […….]/ Nguyên đơn đề xuất ngôn ngữ trọng tài là […….][55].
15. Về địa điểm trọng tài, Điều […….] của Hợp đồng/Thỏa thuận quy định […….]/ Nguyên đơn đề xuất địa điểm trọng tài là […….][56].
16. Về luật áp dụng, Điều […….] của Hợp đồng/Thỏa thuận quy định […….]/ Nguyên đơn đề xuất luật áp dụng để giải quyết vụ tranh chấp là […….][57].

Đại diện Nguyên đơn

(ký tên, đóng dấu)[58]

FDVN LAWFIRM

[55] Ghi rõ ngôn ngữ cụ thể, ví dụ: Tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

[56] Ghi rõ địa điểm cụ thể, ví dụ: Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh.

[57] Ghi rõ luật của quốc gia, ví dụ: Luật Việt Nam.

[58] Nếu Nguyên đơn là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) phải ký vào Đơn khởi kiện. Nếu Đơn khởi kiện do người đại diện theo pháp luật ký, mục này cần có thêm con dấu của Nguyên đơn (nếu có). Nếu Nguyên đơn là cá nhân, thì Nguyên đơn hoặc người đại diện theo ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) phải ký vào Đơn khởi kiện.

MẪU SỐ 02: ĐƠN KHỞI KIỆN LẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VỤ TRANH CHẤP SỐ …/…

TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI MIỀN TRUNG (MCAC)

THEO QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA MCAC

giữa

CÔNG TY [……..]

- Nguyên đơn -

và

CÔNG TY [……..]

- Bị đơn -

ĐƠN KIỆN LẠI[59]

FDVN LAWFIRM

[…, ngày … tháng … năm …]

[59] Mẫu này chỉ nhằm mục đích tham khảo. Các bên không bắt buộc phải sử dụng theo Mẫu này. Các bên có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng. Các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng mẫu này. Các bên cần liên hệ với Ban thư ký MCAC để được hướng dẫn cụ thể các vấn đề phát sinh khác.

Thông tin các Bên trong vụ tranh chấp[60]

17. Nguyên đơn là Công ty […….] với thông tin cụ thể như sau:

Địa chỉ	:
Người đại diện theo pháp luật	:
Điện thoại	:
Fax	:
Email	:

18. Bị đơn là Công ty […….] với thông tin cụ thể như sau:

Địa chỉ	:
Người đại diện theo pháp luật	:
Mã số thuế	:
Điện thoại	:
Fax	:
Email	:

19. Bị đơn trong vụ tranh chấp này được đại diện bởi ông/bà […….] theo Giấy ủy quyền số […….] ngày […….] tháng […….] năm […….].

20. Ngày […….], Bị đơn nhận được Thông báo số […….] đề ngày […….] của MCAC về vụ tranh chấp số […….]. Theo yêu cầu của MCAC tại Thông báo, bằng văn bản này, Bị đơn thực hiện quyền kiện lại của mình như trình bày dưới đây.

V. Tóm tắt vụ tranh chấp[61]

21. Ngày […….] tháng […….] năm […….], Nguyên đơn và Bị đơn ký Hợp đồng/Thỏa thuận/… số […….] về việc mua bán hàng hóa/cung cấp dịch vụ/…

    Theo Hợp đồng/Thỏa thuận/…, Bị đơn có quyền/nghĩa vụ […….]. Nguyên đơn có quyền/nghĩa vụ […….].

[60] MCAC khuyến nghị Nguyên đơn cung cấp các địa chỉ chính xác của Nguyên đơn và của Bị đơn nêu tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư. Ngoài địa chỉ nhận văn thư qua đường bưu điện, việc Nguyên đơn cung cấp thêm các thông tin liên lạc như số điện thoại, số fax, email, v.v. sẽ giúp ích rất nhiều cho việc liên lạc, trao đổi giữa MCAC và các bên khi tiến hành các bước trong tố tụng trọng tài.

[61] Tại mục này, Nguyên đơn trình bày tóm tắt nội dung, sự kiện, tình tiết chính của vụ tranh chấp.

22. Trên thực tế, Bị đơn đã thực hiện/không thực hiện Hợp đồng/Thỏa thuận …. *(ghi rõ đã thực hiện/không thực hiện như thế nào)*. Nguyên đơn đã thực hiện/không thực hiện Hợp đồng/Thỏa thuận …. *(ghi rõ đã thực hiện/không thực hiện như thế nào).*

23. Nay giữa hai bên phát sinh tranh chấp […….]. *(ghi rõ tranh chấp về vấn đề gì)*..

24. Các nội dung khác (nếu có): […….].

VI. Cơ sở kiện lại[62]

25. Tại thỏa thuận trọng tài số […….] ngày […….]/ Điều […….] về giải quyết tranh chấp của Hợp đồng/Thỏa thuận, các Bên thỏa thuận như sau: [“…….”]. (Ghi rõ nội dung thỏa thuận trọng tài).

26. Do các bên phát sinh tranh chấp, căn cứ quy định trên, Bị đơn kiện lại Nguyên đơn ra MCAC.

VII. Trị giá tranh chấp và các yêu cầu cụ thể của Bị đơn

27. Tổng trị giá vụ tranh chấp là: […….].[63]

28. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu tại mục III trên đây, Bị đơn đưa ra các yêu cầu sau:

(iv) […….];
(v) […….];
(vi) […….];
…..

Đại diện Bị đơn
(ký tên, đóng dấu)[64]

[62] Tại mục này, Bị đơn trình bày các quy định Hợp đồng cũng như các quy định pháp luật có liên quan mà Bị đơn căn cứ vào đó để kiện lại và yêu cầu Nguyên đơn, kèm theo các lập luận và tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

[63] Tổng trị giá vụ tranh chấp là tổng giá trị tính bằng tiền của các yêu cầu kiện lại có trị giá của Bị đơn. Trị giá của vụ tranh chấp là căn cứ để MCAC tính phí trọng tài khi MCAC nhận đơn kiện lại.

[64] Nếu Nguyên đơn là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) phải ký vào Đơn khởi kiện. Nếu Đơn khởi kiện do người đại diện theo pháp luật ký, mục này cần có thêm con dấu của Nguyên đơn (nếu có). Nếu Nguyên đơn là cá nhân, thì Nguyên đơn hoặc người đại diện theo ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) phải ký vào Đơn khởi kiện.

MẪU SỐ 03: MẪU BẢN TỰ BẢO VỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VỤ TRANH CHẤP SỐ …/…

TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI MIỀN TRUNG (MCAC)

THEO QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA MCAC

giữa

CÔNG TY […….]

- Nguyên đơn -

và

CÔNG TY […….]

- Bị đơn -

BẢN TỰ BẢO VỆ[65]

[…, ngày … tháng … năm …]

FDVN LAWFIRM

[65] Mẫu này chỉ nhằm mục đích tham khảo. Các bên không bắt buộc phải sử dụng theo Mẫu này. Các bên có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tính chất và diễn biến của vụ tranh chấp cũng như nhu cầu, mục đích sử dụng của mình. Các bên có thể liên hệ với Ban thư ký MCAC để được hướng dẫn chi tiết.

Thông tin Bị đơn trong vụ tranh chấp[66]

29. Chúng tôi là Công ty […….], là Bị đơn trong Vụ tranh chấp số […….] tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) với thông tin cụ thể như sau:

Địa chỉ	:
Người đại diện theo pháp luật	:
Mã số thuế	:
Điện thoại	:
Fax/ Email	:

30. Bị đơn trong vụ tranh chấp này được đại diện bởi ông/bà […….] theo Giấy ủy quyền số […….] ngày […….] tháng […….] năm […….].

31. Ngày […….], Bị đơn nhận được Thông báo số […….] đề ngày […….] của MCAC về vụ tranh chấp với Nguyên đơn là Công ty […….]. Theo yêu cầu của MCAC, bằng văn bản này, Bị đơn thực hiện quyền tự bảo vệ của mình như trình bày dưới đây.

VIII. Tóm tắt vụ tranh chấp[67]

32. Ngày […….] tháng […….] năm […….], Nguyên đơn và Bị đơn ký Hợp đồng/Thỏa thuận/… số […….] về việc mua bán hàng hóa/cung cấp dịch vụ/…

    Theo Hợp đồng/Thỏa thuận/…, Bị đơn có quyền/nghĩa vụ […….] Nguyên đơn có quyền/nghĩa vụ […….].

33. Trên thực tế, Bị đơn đã thực hiện/không thực hiện Hợp đồng/Thỏa thuận …. *(ghi rõ đã thực hiện/không thực hiện như thế nào)*. Nguyên đơn đã thực hiện/không thực hiện Hợp đồng/Thỏa thuận …. *(ghi rõ đã thực hiện/không thực hiện như thế nào)*…

34. Các nội dung khác (nếu có): […….].

IX. Cơ sở tự bảo vệ[68]

[66] MCAC khuyến nghị Bị đơn cung cấp các địa chỉ chính xác của mình nêu tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư. Ngoài địa chỉ nhận văn thư qua đường bưu điện, việc Bị đơn cung cấp thêm các thông tin liên lạc như số điện thoại, số fax, email, v.v. sẽ giúp ích rất nhiều cho việc liên lạc, trao đổi giữa MCAC và các bên khi tiến hành các bước trong tố tụng trọng tài.

[67] Tại mục này, Bị đơn trình bày tóm tắt nội dung, sự kiện, tình tiết chính của vụ tranh chấp.

[68] Tại mục này, Bị đơn trình bày các quy định Hợp đồng cũng như các quy định pháp luật có liên quan mà Bị đơn căn cứ vào đó để tự bảo vệ và phản đối các yêu cầu của Nguyên đơn, kèm theo các lập luận và tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình.

35. Tại thỏa thuận trọng tài số … ngày…/ Điều […….] về giải quyết tranh chấp của Hợp đồng/Thỏa thuận, các Bên thỏa thuận như sau: [“…….”] *(Ghi rõ nội dung thỏa thuận trọng tài).*

36. Ý kiến/lập luận của Bị đơn về các yêu cầu trong Đơn khởi kiện của của Nguyên đơn… *(ghi rõ ý kiến/lập luận của Bị đơn, cụ thể Bị đơn đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu của Nguyên đơn hoặc ý kiến khác, kèm theo các tài liệu, chứng cứ (nếu có).*

37. Từ các căn cứ trên, Bị đơn kính đề nghị Hội đồng Trọng tài như sau[69]:

(i) …….;
(ii) …….;
(iii) …….;

X. Các vấn đề khác

38. Bị đơn chọn ông/bà […….] làm Trọng tài viên/Bị đơn đề nghị Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên để giải quyết vụ tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn. Ông/Bà […….] là Trọng tài viên trong/ngoài Danh sách Trọng tài viên của MCAC.[70]

39. Vui lòng liên hệ với ông/bà […….][71] theo địa chỉ sau:
Địa chỉ:……..
Số điện thoại:…….....
Email:……

40. Về ngôn ngữ trọng tài, Điều […….] của Hợp đồng/Thỏa thuận quy định […….]/Bị đơn đề xuất ngôn ngữ trọng tài là […….][72].

41. Về địa điểm trọng tài, Điều […….] của Hợp đồng/Thỏa thuận quy định […….]/Bị đơn đề xuất địa điểm trọng tài là […….][73].

42. Về luật áp dụng, Điều […….] của Hợp đồng/Thỏa thuận quy định […….]/Bị đơn đề xuất luật áp dụng đối với hợp đồng là […….][74].

Đại diện Bị đơn
(ký tên, đóng dấu)[75]

[69] Ghi rõ các yêu cầu cụ thể của Bị đơn.

[70] MCAC khuyến nghị Bị đơn chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và tự mình chọn người đủ chuyên môn, uy tín làm Trọng tài viên giải quyết tranh chấp. Bị đơn KHÔNG bắt buộc phải chọn người thuộc Danh sách Trọng tài viên MCAC làm Trọng tài viên giải quyết tranh chấp. Danh sách Trọng tài viên MCAC chỉ mang tính khuyến nghị.

[71] Nếu Bị đơn chọn Trọng tài viên ngoài danh sách, vui lòng cung cấp cho MCAC địa chỉ liên hệ chính xác và cập nhật, bao gồm: địa chỉ bưu chính, số điện thoại, email, fax (nếu có).

[72] Ghi rõ ngôn ngữ cụ thể, ví dụ: Tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

[73] Ghi rõ địa điểm cụ thể, ví dụ: Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh.

[74] Ghi rõ luật của quốc gia, ví dụ: Luật Việt Nam.

[75] Nếu Bị đơn là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) phải ký vào Bản tự bảo vệ. Nếu Bản tự bảo vệ do người đại diện theo pháp luật ký, mục này cần có thêm con dấu của

MẪU SỐ 04: ĐƠN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

Mẫu số: D01-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

Kính gửi: Cục (Chi cục) Thi hành án dân sự.....

Họ và tên người yêu cầu thi hành án[1]:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên người được thi hành án.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên người phải thi hành án .....

Địa chỉ:.....

1. Nội dung yêu cầu thi hành án:

.....

2. Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có):

.....

3. Các tài liệu kèm theo:

- Bản án, Quyết định số..... ngày... tháng..... năm..... của.....
- Tài liệu thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có).
- Tài liệu có liên quan khác.....

..... ngày.... tháng.... năm 20.....

Người yêu cầu thi hành án

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

Bị đơn (nếu có). Nếu Bị đơn là cá nhân, thì Bị đơn hoặc người đại diện theo ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) phải ký vào Bản tự bảo vệ.

FDVN LAWFIRM